BẢNG KÊ KHAI GIÁ DỊCH VỤ KHÁM CHỮA BỆNH

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1	Khám theo yêu cầu	150,000		Lần
2	Khám (Khoa Sản)	120,000		Lần
3	Khám tổng quát	70,000		Lần
4	Khám Ngoại	70,000	33,200	Lần
5	Khám Nội	70,000	33,200	Lần
6	Khám Nhi	70,000	33,200	Lần
7	Khám và chăm sóc Nội Trú	120,000		Ngày
8	Khám sức khỏe định kỳ	220,000		Lần
9	Khám sức khỏe lái xe A1	250,000		Lần
10	Khám cấp cứu	150,000		Lần
11	Khám Phụ Khoa (có hình)	150,000		Lần
12	Khám cấp cứu (Không truyền dịch)	70,000		Lần
13	Khám sức khỏe bổ sung hồ sơ	350,000		Lần
14	Khám sản cấp cứu	150,000		Lần
15	Khám tổng quát	120,000		Lần
16	Khám tổng quát (cấp cứu)	120,000		Lần
17	Khám sức khoẻ không có xét nghiệm	100,000		Lần
18	Khám sức khoẻ xin việc	350,000		Lần
19	Khám sức khoẻ giấy phép lái xe	320,000		Lần
20	Khám Tai Mũi Họng	70,000	33,200	Lần
21	Khám Phụ Khoa	70,000	33,200	Lần
22	Rữa Phụ Khoa bằng bồn rữa	180,000		Lần
23	BS Khám Nội Trú	150,000		Lần
24	BS Khám Hội Chẩn	24,000		Lần
25	Khám Sức Khỏe BSHS	220,000		Lần
26	Khám cấp cứu bệnh trại trong đêm, bệnh yêu cầu	120,000		Lần
27	Khám phụ khoa & rửa âm đạo (Bằng máy)	240,000		Lần
28	Khám thai (giờ HC)	80,000	33,200	Lần
29	Khám mắt	70,000	33,200	Lần
30	Khám da liễu	70,000	33,200	Lần
31	Khám Răng Hàm Mặt	70,000	33,200	Lần
32	Khám hội chẩn Bác sĩ chuyên gia	150,000		Lần
33	Khám Ngoại Tổng Quát	120,000		Lần
34	Khám Nội Trú	70,000		Lần
35	Khám sức khỏe VSATTP	590,000		Lần
36	Khám thai (ngoài giờ HC)	150,000		Lần
37	Khám Phục hồi chức năng	50,000	33,200	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
38	Khám cấp cứu bh	150,000	33,200	Lần
39	Bác sĩ khám tại nhà theo yêu cầu	500,000		Lần
40	Khám hội chẩn	150,000		Lần
41	Khám chuyên khoa sâu	200,000		Lần
42	Khám sức khỏe người nước ngoài	1,180,000		Lần
43	Khám sức khỏe người nước ngoài	820,000		Lần
44	Khám sức khoẻ xin việc (Không XQuang)	240,000		Lần
45	Khám tổng quát (Cty Mai Linh)	500,000		Lần
46	Khám Vú	70,000		Lần
47	Khám Rốn	70,000		Lần
48	Rửa rốn	70,000		Lần
49	Khám và tư vấn hậu Covid (DV)	3,380,000		Lần
50	Khám và tư vấn hậu Covid (KSK) *	119,500		Lần
51	Khám sức khỏe định kỳ 2023	500,000		Lần
52	Khám tổng quát	942,000		Lần
53	Phòng Chăm Sóc Đặc Biệt (ICU)	400,000		Ngày
54	Phòng 1 Giường	700,000		Ngày
55	Phòng 2 Giường	400,000		Ngày
56	Phòng 3 Giường	400,000		Ngày
57	Phòng Luxury (L3,L4)	1,200,000		Ngày
58	Phòng Chăm Sóc Đặc Biệt (Tại Khoa)	400,000		Ngày
59	phòng Ngoại khoa loại 1	400,000		Ngày
60	phòng Ngoại khoa loại 2	400,000		Ngày
61	Giường Nội khoa loại 1 Hạng III - Khoa Nhi	400,000	198,000	Ngày
62	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp	400,000	225,200	Ngày
63	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp	400,000	199,600	Ngày
64	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng III - Khoa Ngoại tổng hợp	400,000	168,100	Ngày
65	Phòng hồi sức cấp cứu	400,000	312,200	Ngày
66	Phòng cấp cứu	400,000	171,600	Ngày
67	Giường Nội khoa loại 2	500,000	171,600	Ngày
68	Giường ngoại khoa không mổ	400,000	171,600	Ngày
69	Phòng sản khoa	400,000	171,600	Ngày
70	Phòng sản khoa loại 2	400,000	225,200	Ngày
71	Phòng sản khoa loại 3	400,000	199,600	Ngày
72	Phòng sản khoa loại 4	400,000	168,100	Ngày
73	Phòng Hồi Sức Sau Mổ	500,000		Ngày

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
74	Khối hồng cầu từ 350 ml máu toàn phần (Đã bao gồm chi phí xét nghiệm NAT)	2,000,000	905,000	Đơn vị
75	Chi phí vận chuyển máu	17,000	17,000	Lần
76	TRUYỀN MÁU trọn gói	2,000,000		Lần
77	TRUYỀN TIỂU CẦU (VN) trọn gói	6,000,000		Lần
78	TRUYỀN TIỂU CẦU (CPC) trọn gói	8,000,000		Lần
79	Hồng Cầu Lắng O	2,000,000		Túi
80	Hồng Cầu Lắng A	2,000,000		Túi
81	Hồng Cầu Lắng B	2,000,000		Túi
82	Hồng Cầu Lắng AB	2,000,000		Túi
83	Khối Tiểu Cầu O	6,000,000		Túi
84	Khối Tiểu Cầu A	6,000,000		Túi
85	Khối Tiểu Cầu B	6,000,000		Túi
86	Huyết Tương Tươi A	1,000,000		Túi
87	Huyết Tương Tươi O	1,000,000		Túi
88	Huyết Tương Tươi B	1,000,000		Túi
89	Huyết Tương Tươi AB	1,000,000		Túi
90	Khối Tiểu Cầu AB	6,000,000		Túi
91	Huyết tương tươi đông lạnh 200 ml	1,000,000		Túi
92	Chi phí điều chế Khối tiểu cầu gạn tách 250ml	6,000,000		Khối
93	Khối hồng cầu từ 350 ml máu toàn phần	2,000,000		Túi
94	Hồng cầu lắng 350 ml	2,000,000		Đơn vị
95	Hồng cầu lắng 350 mlL	2,000,000		Đơn vị
96	Huyết Tương Tươi 200ml	1,000,000		Đơn vị
97	Khối hồng cầu từ 450 ml máu toàn phần (Đã bao gồm chi phí xét nghiệm NAT)	2,000,000	980,000	Đơn vị
98	Hồng cầu lắng 350 ml	2,000,000		Đơn vị
99	CT sọ não không tiêm thuốc cản quang	600,000	532,000	Lần
100	CT sọ não có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
101	CT xoang không tiêm thuốc cản quang	700,000	532,000	Lần
102	CT xoang có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
103	CT ngực không tiêm thuốc cản quang	700,000	532,000	Lần
104	CT ngực có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
105	CT bụng trên không tiêm thuốc cản quang	700,000	532,000	Lần
106	CT bụng dưới không tiêm thuốc cản quang	700,000	532,000	Lần
107	CT bụng không tiêm thuốc cản quang	700,000	532,000	Lần
108	CT cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	700,000	532,000	Lần
109	CT cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
110	CT cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	700,000	532,000	Lần
111	CT cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
112	CT cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	700,000	532,000	Lần
113	CT cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
114	CT Toàn hàm	600,000		Lần
115	CT Tai xương chủm	600,000		Lần
116	CT khớp vai [T] không tiêm thuốc cản quang	700,000		Lần
117	CT khớp vai [P] không tiêm thuốc cản quang	700,000		Lần
118	CT khớp gối [T] không tiêm thuốc cản quang	700,000		Lần
119	CT khớp gối [P] không tiêm thuốc cản quang	700,000		Lần
120	CT khớp khuỷ [T] không tiêm thuốc cản quang	700,000		Lần
121	CT khớp khuỷ [P] không tiêm thuốc cản quang	700,000		Lần
122	CT khớp cổ chân [T] không tiêm thuốc cản quang	700,000		Lần
123	CT khớp cổ chân [P] không tiêm thuốc cản quang	700,000		Lần
124	CT khớp cổ tay [T] không tiêm thuốc cản quang	700,000		Lần
125	CT khớp cổ tay [P] không tiêm thuốc cản quang	700,000		Lần
126	CT khung chậu không tiêm thuốc cản quang	700,000		Lần
127	CT hệ tiết niệu có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
128	CT cổ không tiêm thuốc cản quang	700,000		Lần
129	CT Chẩn đoán bụng tổng quát không tiêm thuốc cản quang	900,000	532,000	Lần
130	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
131	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
132	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
133	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
134	CT bụng trên có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
135	CT bụng dưới có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
136	CT bụng có tiêm thuốc cản quang	1,800,000	643,000	Lần
137	CT ĐÙI (P)	700,000		Lần
138	CT ĐÙI (T)	700,000		Lần
139	CT ngực không tiêm thuốc cản quang (KSK)	1,400,000		Lần
140	CT ngực không tiêm thuốc cản quang (KSK)*	878,000		Lần
141	Nắn trật khớp khuỷu tay	2,000,000		Lần
142	Nắn trật khớp xương đòn	480,000		Lần
143	Nắn, bó bột xương cẳng chân	384,000		Lần
144	Nắn, bó bột gãy xương cẳng tay (bột liền)	384,000		Lần
145	Nắn, bó bột bàn tay (bột liền)	360,000		Lần
146	Bó bột gẫy xương đòn	312,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
147	Phẫu thuật điều trị bệnh DEQUER VAIN và ngón tay cò súng	5,000,000	3,699,000	Lần
148	Chọc dò khớp gối	190,000		Lần
149	Nắn bó bột cẳng bàn chân trong trật khớp cổ chân	585,000		Lần
150	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	355,000		Lần
151	Tiêm khớp PRP (1 Khớp)	4,000,000		Lần
152	Tiêm khớp PRP (2 Khớp)	6,000,000		Lần
153	Chụp đáy mắt không huỳnh quang	300,000	217,000	Lần
154	Soi đáy mắt	60,000		Lần
155	Đo thị lực khách quan	79,000		Lần
156	MRI sọ não	1,700,000	1,322,000	Lần
157	MRI sọ não có tiêm chất tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
158	MRI não- mạch não không tiêm chất tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
159	MRI não- mạch não có tiêm chất tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
160	MRI hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
161	MRI hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
162	MRI tuyến yên có tiêm chất tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
163	MRI hốc mắt không tiêm chất tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
164	MRI hốc mắt có tiêm chất tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
165	MRI đáy sọ và xương đá không tiêm thuốc tương phản	2,227,000	2,227,000	Lần
166	MRI vùng mặt – cổ không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
167	MRI vùng mặt – cổ có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
168	MRI tuyến vú không tiêm tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
169	MRI tuyến vú có tiêm tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
170	MRI phổ tuyến vú không tiêm thuốc tương phản	3,191,000	3,191,000	Lần
171	MRI vùng chậu dò hậu môn không tiêm thuốc tương phản	2,227,000	2,227,000	Lần
172	MRI bìu , dương vật không tiêm thuốc tương phản	1,900,000	1,322,000	Lần
173	MRI bìu , dương vật có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
174	MRI tuyến tiền liệt có tiêm tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
175	MRI cột sống cổ không tiêm tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
176	MRI cột sống cổ có tiêm tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
177	MRI cột sống ngực không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
178	MRI cột sống thắt lưng - cùng không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
179	MRI cột sống thắt lưng - cùng có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
180	MRI khớp vai [P] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
181	MRI khớp vai [T] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
182	MRI khớp khuỷu [P] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
183	MRI khớp khuỷu [T] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
184	MRI khớp gối [P] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
185	MRI khớp gối [T] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
186	MRI khớp háng [T] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
187	MRI khớp háng [P] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
188	MRI khớp vai [P] có tiêm thuốc tương phản tĩnh mạch	3,000,000	2,227,000	Lần
189	MRI khớp vai [T] có tiêm thuốc tương phản tĩnh mạch	3,000,000	2,227,000	Lần
190	MRI khớp khuỷu [P] có tiêm thuốc tương phản tĩnh mạch	3,000,000	2,227,000	Lần
191	MRI khớp khuỷu [T] có tiêm thuốc tương phản tĩnh mạch	3,000,000	2,227,000	Lần
192	MRI khớp gối [P] có tiêm thuốc tương phản tĩnh mạch	3,000,000	2,227,000	Lần
193	MRI khớp gối [T]có tiêm thuốc tương phản tĩnh mạch	3,000,000	2,227,000	Lần
194	MRI khớp háng [P] có tiêm thuốc tương phản tĩnh mạch	3,000,000	2,227,000	Lần
195	MRI khớp háng [T] có tiêm thuốc tương phản tĩnh mạch	3,000,000	2,227,000	Lần
196	MRI khớp vai [P] có tiêm thuốc tương phản nội khớp	3,000,000	2,227,000	Lần
197	MRI khớp vai [T] có tiêm thuốc tương phản nội khớp	3,000,000	2,227,000	Lần
198	MRI khớp khuỷu [P] có tiêm thuốc tương phản nội khớp	3,000,000	2,227,000	Lần
199	MRI khớp khuỷu [T] có tiêm thuốc tương phản nội khớp	3,000,000	2,227,000	Lần
200	MRI khớp gối [P] có tiêm thuốc tương phản nội khớp	3,000,000	2,227,000	Lần
201	MRI khớp gối [T] có tiêm thuốc tương phản nội khớp	3,000,000	2,227,000	Lần
202	MRI khớp háng [T] có tiêm thuốc tương phản nội khớp	3,000,000	2,227,000	Lần
203	MRI khớp háng [P] có tiêm thuốc tương phản nội khớp	3,000,000	2,227,000	Lần
204	MRI xương cánh tay [P] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
205	MRI xương cánh tay [T] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
206	MRI xương cẳng tay [P] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
207	MRI xương cẳng tay [T] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
208	MRI xương cổ tay [P] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
209	MRI xương cổ tay [T] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
210	MRI xương bàn tay [P] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
211	MRI xương bàn tay [T] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
212	MRI xương đùi [P] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
213	MRI xương đùi [T] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
214	MRI xương cẳng chân [P] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
215	MRI xương cẳng chân [T] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
216	MRI xương cổ chân [P] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
217	MRI xương cổ chân [T] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
218	MRI xương bàn chân [P] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
219	MRI xương bàn chân [T] không tiêm thuốc tương phản	1,700,000	1,322,000	Lần
220	MRI xương cánh tay [P] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
221	MRI xương cánh tay [T] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
222	MRI xương cẳng tay [P] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
223	MRI xương cẳng tay [T] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
224	MRI xương cổ tay [P] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
225	MRI xương cổ tay [T] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
226	MRI xương bàn tay [P] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
227	MRI xương bàn tay [T] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
228	MRI xương đùi [P] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
229	MRI xương đùi [T] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
230	MRI xương cẳng chân [P] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
231	MRI xương cẳng chân [T] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
232	MRI xương cổ chân [P] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
233	MRI xương cổ chân [T] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
234	MRI xương bàn chân [P] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
235	MRI xương bàn chân [T] có tiêm thuốc tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
236	MRI phần mềm chi có tiêm tương phản	3,000,000	2,227,000	Lần
237	Nội soi lấy dị vật(Phòng nội soi)	1,000,000		Lần
238	Nội soi bàng quang cắt u	7,200,000	4,735,000	Lần
239	Nội soi bàng quang tán sỏi	6,000,000	1,303,000	Lần
240	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới	160,000	144,000	Lần
241	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính	7,200,000	3,129,000	Lần
242	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	7,200,000	4,494,000	Lần
243	Nội soi buồng tử cung can thiệp	7,200,000	4,494,000	Lần
244	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	7,200,000	2,904,000	Lần
245	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa	6,000,000	753,000	Lần
246	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxeo (i bên)	330,000	279,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
247	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	462,000	302,000	Lần
248	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu (có tiền mê, chưa bao gồm tiền dụng cụ)	2,500,000	753,000	Lần
249	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị	2,800,000	753,000	Lần
250	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết	600,000	322,000	Lần
251	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết	700,000	430,000	Lần
252	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết	780,000	430,000	Lần
253	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết	600,000	322,000	Lần
254	Nội soi hậu môn ống cứng	300,000	148,000	Lần
255	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản	180,000	108,000	Lần
256	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng	4,800,000	1,507,000	Lần
257	Nội soi khí phế quản cấp cứu	3,600,000	1,478,000	Lần
258	Nội soi khí phế quản lấy dị vật	4,200,000	3,278,000	Lần
259	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	360,000	201,000	Lần
260	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]	616,000	520,000	Lần
261	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết	615,000	524,000	Lần
262	Nội soi mũi, họng có sinh thiết	1,870,000	1,575,000	Lần
263	Nội soi ổ bụng- sinh thiết	1,178,000	1,023,000	Lần
264	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	348,000	301,000	Lần
265	Nội soi sinh thiết u vòm	1,870,000	1,575,000	Lần
266	Nội soi tai mũi họng	180,000	108,000	Lần
267	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	11,000,000	1,303,000	Lần
268	Nội soi thanh quản cắt papilloma	360,000		Lần
269	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây mê	722,000	722,000	Lần
270	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê	400,000	378,000	Lần
271	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán	240,000	224,000	Lần
272	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng cấp cứu	300,000	255,000	Lần
273	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê	360,000		Lần
274	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê	750,000	742,000	Lần
275	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	300,000	255,000	Lần
276	Nội soi trực tràng ống mềm	300,000	198,000	Lần
277	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	300,000	198,000	Lần
278	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết	510,000	302,000	Lần
279	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	300,000	198,000	Lần
280	Nội soi bàng quang sinh thiết	756,000		Lần
281	Nội soi đại tràng sigma	600,000	322,000	Lần
282	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	800,000	605,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
283	Nội soi đại tràng-lấy dị vật	2,160,000	1,713,000	Lần
284	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	780,000	430,000	Lần
285	Nội soi niệu quản chẩn đoán	1,200,000		Lần
286	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	360,000		Lần
287	Nội soi thực quản-dạ dày, lấy dị vật	360,000		Lần
288	Nội soi trực tràng cấp cứu	240,000		Lần
289	Soi đáy mắt trực tiếp	72,000	55,300	Lần
290	Soi trực tràng	300,000		Lần
291	Nong niệu đạo	300,000	252,000	Lần
292	Nội soi màng phổi để chẩn đoán	600,000		Lần
293	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	301,000	301,000	Lần
294	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	301,000	301,000	Lần
295	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	524,000	524,000	Lần
296	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê	523,000	523,000	Lần
297	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê	523,000	523,000	Lần
298	Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	510,000		Lần
299	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê	1,277,000		Lần
300	Nôi soi tiền mê	700,000		Lần
301	Nội soi tai	120,000	40,000	Lần
302	Nội soi mũi	120,000	108,000	Lần
303	Nội soi họng	120,000		Lần
304	Cắt Polyp ống tiêu hóa (đại trực tràng): cắt 1 polyp > 1cm hoặc cắt 2-5 polyp	1,600,000		Lần
305	Cắt Polyp ống tiêu hóa (đại trực tràng): cắt 1 polyp < 1cm	1,000,000		Lần
306	Nội soi cắt Polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, đại tràng): cắt 1 polyp < 1cm	1,600,000		Lần
307	Nội soi can thiệp - tiêm cầm máu [thủ thuật loại 1]	3,000,000		Lần
308	Nội soi can thiệp - thắt búi giãn tỉnh mạch thực quản bằng vòng cao su [tiền mê, chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu như: clip, bộ thắt tỉnh mạch thực quản…]	3,620,000		Lần
309	Nội soi can thiệp - thắt búi giãn tỉnh mạch thực quản bằng vòng cao su [chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu như: clip, bộ thắt tỉnh mạch thực quản…]	2,950,000		Lần
310	Nội soi can thiệp - gắp giun, dị vật ống tiêu hóa	2,415,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
311	Nội soi tụy - mật ngược dòng can thiệp - cắt cơ Oddi [chưa gồm dụng cụ can thiệp: stent, bộ tán sỏi cơ học, rọ lấy dị vật, dao cắt, bóng kéo, bóng nong] [thủ thuật loại ĐB]	10,600,000		Lần
312	Nội soi tụy - mật ngược dòng (ERCP) [chưa gồm dụng cụ can thiệp: stent, bộ tán sỏi cơ học, rọ lấy dị vật, dao cắt, bóng kéo, bóng nong] [thủ thuật loại ĐB]	8,000,000		Lần
313	Nội soi tụy - mật ngược dòng để chẩn đoán bệnh lý đường mật tụy [chưa gồm dụng cụ can thiệp: stent, bộ tán sỏi cơ học, rọ lấy dị vật, dao cắt, bóng kéo, bóng nong] [thủ thuật loại 1]	6,670,000		Lần
314	Nội soi tụy - mật ngược dòng để đặt Stent đường mật tụy [chưa gồm dụng cụ can thiệp: stent, bộ tán sỏi cơ học, rọ lấy dị vật, dao cắt, bóng kéo, bóng nong] [thủ thuật loại ĐB]	10,600,000		Lần
315	Nội soi tụy - mật ngược dòng để cắt cơ Oddi [chưa gồm dao cắt, thuốc cản quang, catheter] [thủ thuật loại ĐB]	10,600,000		Lần
316	Nong hẹp thực quản, tâm vị qua nội soi	3,330,000		Lần
317	Nội soi nong hẹp miệng nối ruột - ruột; mật - ruột	3,025,000		Lần
318	Nội soi đặt Stent thực quản, dạ dày, tá tràng, đại tràng, trực tràng	6,900,000		Lần
319	Nội soi chích keo điều trị giãn tỉnh mạch phình vị	3,620,000		Lần
320	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	4,000,000		Lần
321	Nong đường mật, Oddi qua nội soi	4,000,000		Lần
322	Nội soi đặt dẫn lưu nang giả tụy vào dạ dày	3,620,000		Lần
323	Mở thông dạ dày qua nội soi [thủ thuật loại 1]	6,820,000		Lần
324	Nội soi cắt Polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, đại tràng): cắt 1 polyp > 1cm hoặc cắt 2-5 polyp	2,200,000		Lần
325	Cắt Polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng): cắt 1 polyp > 1cm hoặc cắt 2-5 polyp	1,900,000		Lần
326	Cắt Polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng): cắt 1 polyp < 1cm	1,300,000		Lần
327	Nội soi cắt Polyp ống tiêu hoá (Trực Tràng): cắt 1 polyp < 1 cm	1,300,000		Lần
328	Nội soi cắt Polyp ống tiêu hoá (Trực Tràng): cắt 1 polyp > 1 cm hoặc cắt 2 - 5 polyp	1,900,000		Lần
329	Nội soi tai mũi họng (*)	120,000	40,000	Lần
330	Nội soi bàng quang không sinh thiết	1,800,000		Lần
331	Nội soi bàng quang có sinh thiết	756,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
332	Nội soi hạ họng ống mềm/lấy dị vật	360,000	301,000	Lần
333	Soi cổ tử cung	80,000	63,900	Lần
334	Nội soi thực quản - Dạ dày - Tá tràng qua đường mũi	720,000	615,000	Lần
335	Nội soi phế quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	2,400,000		Lần
336	Nội soi phế quản ống mềm (có tiền mê)	2,200,000		Lần
337	Soi cổ tử cung	80,000		Lần
338	Nội soi Hạ Họng - Thanh Quản	240,000		Lần
339	Điều trị bằng sóng ngắn	50,000	37,200	Lần
340	Điều trị bằng vi sóng	50,000	37,200	Lần
341	Điều trị bằng từ trường	50,000	39,700	Lần
342	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	60,000	46,700	Lần
343	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	60,000	46,700	Lần
344	Điều trị bằng các dòng điện xung	60,000	42,700	Lần
345	Điều trị bằng siêu âm	60,000	46,700	Lần
346	Điều trị bằng sóng xung kích	80,000	65,200	Lần
347	Điều trị bằng tia hồng ngoại	50,000	37,300	Lần
348	Điều trị bằng Laser công suất thấp	50,000	49,100	Lần
349	Điều trị bằng Parafin	60,000	43,700	Lần
350	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	60,000	47,600	Lần
351	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	100,000	45,700	Lần
352	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	100,000	51,400	Lần
353	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	100,000	51,400	Lần
354	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	100,000	51,400	Lần
355	Tập vận động thụ động	100,000	51,400	Lần
356	Tập vận động có trợ giúp	100,000	51,400	Lần
357	Tập vận động có kháng trở	100,000	51,400	Lần
358	Kỹ thuật xoa bóp vùng (Liệt mặt)	100,000	45,200	Lần
359	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	100,000	55,800	Lần
360	Tập đi với thanh song song	40,000	30,600	Lần
361	Tập đi với khung tập đi	40,000	30,600	Lần
362	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	40,000	30,600	Lần
363	Tập đi với gậy	40,000	30,600	Lần
364	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	40,000	30,600	Lần
365	Tập lên, xuống cầu thang	40,000	30,600	Lần
366	Tập đi với chân giả trên gối	40,000	30,600	Lần
367	Tập đi với chân giả dưới gối	40,000	30,600	Lần
368	Tập với thang tường	40,000	30,600	Lần
369	Tập với ròng rọc	40,000	12,500	Lần
370	Tập với dụng cụ quay khớp vai	40,000	30,600	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
371	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi	40,000	12,500	Lần
372	Tập với xe đạp tập	40,000	12,500	Lần
373	Tập với bàn nghiêng	40,000	30,600	Lần
374	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	40,000	30,600	Lần
375	Điều trị giãn tỉnh mạch	75,000		Lần
376	Tập vật lý trị liệu hô hấp	80,000		Lần
377	Gói tập VLTL theo tháng (21 ngày)	270,000		Lần
378	Gói tập VLTL theo tháng (28 ngày)	300,000		Lần
379	Tập VLTL (mua lẻ theo buổi)	50,000		Lần
380	Gói tập VLTL (7 ngày đầu)	100,000		Lần
381	Gói tập VLTL (14 ngày đầu)	250,000		Lần
382	Kỹ thuật xoa bóp vùng cổ gáy	50,000		Lần
383	Kỹ thuật xoa bóp vùng lưng	50,000		Lần
384	Kỹ thuật xoa bóp mặt đùi trước	50,000		Lần
385	Kỹ thuật xoa bóp vùng đùi sau	50,000		Lần
386	Kỹ thuật kéo giãn gân gót	60,000		Lần
387	Kỹ thuật xoa bóp vùng chi trên	50,000		Lần
388	Bột cẳng chân	264,000		Lần
389	Bột cẳng bàn tay (NL)	324,000		Lần
390	Bột cánh tay	300,000		Lần
391	Bột Desault	396,000		Lần
392	Bột đùi bàn chân (NL)	432,000		Lần
393	Bột đùi bàn chân (TE)	348,000		Lần
394	Bột cẳng bàn chân (NL)	312,000		Lần
395	Bột cẳng bàn chân (TE)	288,000		Lần
396	Bột đùi cẳng bàn chân (NL)	516,000		Lần
397	Bột đùi cẳng bàn chân (TE)	396,000		Lần
398	Nắn bó bột	360,000		Lần
399	Nắn trật khớp hàm / xương đòn	480,000		Lần
400	Nẹp bột cẳng bàn chân	312,000		Lần
401	Nẹp bột đùi cẳng bàn chân (NL)	504,000		Lần
402	Nẹp bột đùi cẳng bàn chân (TE)	444,000		Lần
403	Nẹp bột cẳng bàn tay	180,000		Lần
404	Nẹp bột cánh bàn tay	240,000		Lần
405	Nẹp bột ngón tay (nẹp con chó)	180,000		Lần
406	Nẹp bột ngón tay	240,000		Lần
407	Thay băng vết thương	60,000		Lần
408	Cấp cứu ngưng tim ngưng thở(trọn gói) + tử vong	1,800,000		Lần
409	Khâu Eo	3,000,000		Lần
410	Phẫu thuật điều chỉnh sóng hàm	2,400,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
411	Trám răng thẩm mỹ bằng Composite	300,000		Lần
412	Phẫu thuật điều trị cười hở nướu	6,000,000		Lần
413	Mài chỉnh khớp cắn	600,000		Lần
414	Phẫu thuật ghép mô xương, mô liên kết / 1 vị trí tối đa 2 răng	4,800,000		Lần
415	Phẫu thuật đặt Implant / 1 trụ	26,400,000		Lần
416	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	240,000		Lần
417	Cắt bỏ những u nhỏ, cyst, sẹo của da, tổ chức dưới da	252,000		Lần
418	Chích rạch nhọt, Apxe nhỏ dẫn lưu	207,000		Lần
419	Cắt túi thừa tá tràng	6,000,000		Lần
420	Phẫu thuật cắt túi thừa ruột non, ruột già	6,000,000		Lần
421	Theo dõi tim thai và cơn co tử cung bằng monitoring	100,000		Lần
422	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	1,000,000	218,000	Lần
423	Bột cẳng bàn tay (NL&TE)	252,000		Lần
424	Rút Cathete	360,000		Lần
425	Shock điện trong ngưng tim	360,000		Lần
426	CHỌC HÚT KHÍ MÀNG PHỔI	480,000		Lần
427	May thẩm mỹ tầng sinh môn	1,000,000		Lần
428	Rút ống dẫn lưu	1,000,000		Lần
429	Bóc nhân xơ vú	1,970,000	1,019,000	Lần
430	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	10,000,000	5,160,000	Lần
431	Bơm ciment qua đường ngoài cuống vào thân đốt sống	18,000,000	5,626,000	Lần
432	Bơm hơi vòi nhĩ	230,000	119,000	Lần
433	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	300,000	209,000	Lần
434	Bơm rửa khoang màng phổi	300,000	227,000	Lần
435	Bơm rửa lệ đạo	70,000	38,300	Lần
436	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	300,000	227,000	Lần
437	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh	960,000	498,000	Lần
438	Bột Corset Minerve,Cravate	1,250,000	637,000	Lần
439	Bột Corset Minerve,Cravate	1,250,000	637,000	Lần
440	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA	230,000	124,000	Lần
441	Cầm máu mũi bằng Merocel	410,000	209,000	Lần
442	Cầm máu mũi bằng Merocel (2 bên)	410,000	209,000	Lần
443	Cầm máu nhu mô gan	9,000,000	5,487,000	Lần
444	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	1,378,000		Lần
445	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	960,000	498,000	Lần
446	Cắt 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	8,000,000	3,446,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
447	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân	8,000,000	2,839,000	Lần
448	Cắt bán phần 1 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm	11,000,000	4,348,000	Lần
449	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	9,000,000	4,310,000	Lần
450	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	9,000,000	4,310,000	Lần
451	Cắt bỏ tinh hoàn	4,800,000	2,383,000	Lần
452	Cắt bỏ u mạc nối lớn	8,000,000	4,842,000	Lần
453	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	70,000	35,600	Lần
454	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	230,000	125,000	Lần
455	Cắt dạ dày hình chêm	8,000,000	3,730,000	Lần
456	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	6,000,000	2,574,000	Lần
457	Cắt đoạn dạ dày	9,000,000	7,610,000	Lần
458	Cắt đoạn dạ dày	9,000,000	7,610,000	Lần
459	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài	7,000,000	4,801,000	Lần
460	Cắt đường rò bàng quang -rốn, khâu lại bàng quang	7,200,000	4,587,000	Lần
461	Cắt dương vật không vét hạch, cắt một nửa dương vật	6,000,000	2,122,000	Lần
462	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow	9,000,000	4,310,000	Lần
463	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong Basedow bằng dao siêu âm	12,000,000	6,704,000	Lần
464	Cắt hẹp bao quy đầu	2,500,000	1,340,000	Lần
465	Cắt lách do chấn thương	8,000,000	4,644,000	Lần
466	Cắt mạc nối lớn	7,000,000	4,842,000	Lần
467	Cắt màng ngăn tá tràng	5,000,000	2,574,000	Lần
468	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	9,000,000	4,404,000	Lần
469	Cắt nhiều đoạn ruột non	7,000,000	4,801,000	Lần
470	Cắt nối niệu đạo sau	9,000,000	4,322,000	Lần
471	Cắt nối niệu đạo trước	9,000,000	4,322,000	Lần
472	Cắt phanh lưỡi (Gây mê)	1,200,000	745,000	Lần
473	Cắt phanh lưỡi (Gây tê)	1,200,000	313,000	Lần
474	Cắt ruột non hình chêm	7,000,000	3,730,000	Lần
475	Cắt ruột thừa đơn thuần	6,000,000	2,654,000	Lần
476	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	6,000,000	2,654,000	Lần
477	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	6,000,000	2,654,000	Lần
478	Cắt thận đơn thuần	9,000,000	4,404,000	Lần
479	Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	8,000,000	4,656,000	Lần
480	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow	9,000,000	4,310,000	Lần
481	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	9,000,000	4,310,000	Lần
482	Cắt túi mật	8,000,000	4,694,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
483	Cắt u buồng trứng qua nội soi	8,000,000	5,229,000	Lần
484	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp…)	5,600,000	1,340,000	Lần
485	Cắt u mạc treo ruột	8,000,000	4,842,000	Lần
486	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi	8,000,000	4,078,000	Lần
487	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	1,000,000	758,000	Lần
488	Cấy chỉ	290,000	148,000	Lần
489	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	1,200,000	559,000	Lần
490	Chăm sóc lỗ mở khí quản	72,000	60,000	Lần
491	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	120,000	60,000	Lần
492	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu	9,000,000	5,487,000	Lần
493	Chích áp xe quanh Amidan	530,000	274,000	Lần
494	Chích áp xe quanh Amidan (Gây mê)	530,000	274,000	Lần
495	Chích áp xe sàn miệng	530,000	274,000	Lần
496	Chích áp xe sàn miệng (Gây mê)	530,000	274,000	Lần
497	Chích áp xe thành sau họng (Gây tê)	2,400,000	274,000	Lần
498	Chích áp xe thành sau họng (Gây mê)	2,400,000	745,000	Lần
499	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	1,460,000	274,000	Lần
500	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	1,460,000	745,000	Lần
501	Chích áp xe vú	440,000	230,000	Lần
502	Chích chắp, lẹo, nang lông mi, chích áp xe mi, kết mạc	160,000	81,000	Lần
503	Chích rạch màng nhĩ	300,000	64,200	Lần
504	Chích rạch màng trinh do ứ máu kinh	1,580,000	825,000	Lần
505	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng	1,760,000	949,000	Lần
506	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	4,000,000	620,000	Lần
507	Chọc dịch não tủy thắt lưng (thủ thuật)	210,000	114,000	Lần
508	Chọc dịch tủy sống	210,000	114,000	Lần
509	Chọc dò dịch màng phổi	270,000	143,000	Lần
510	Chọc dò dịch não tuỷ	300,000	114,000	Lần
511	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	200,000	143,000	Lần
512	Chọc dò màng ngoài tim	490,000	259,000	Lần
513	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	490,000	259,000	Lần
514	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	270,000	143,000	Lần
515	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	270,000	143,000	Lần
516	Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay catheter	290,000	150,000	Lần
517	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp	330,000	170,000	Lần
518	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp có hướng dẫn của siêu âm	440,000	228,000	Lần
519	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhẫn giáp	430,000	227,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
520	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	490,000	259,000	Lần
521	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm	750,000	384,000	Lần
522	Chọc hút dịch vành tai	110,000	56,800	Lần
523	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh	290,000	150,000	Lần
524	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	2,000,000	159,000	Lần
525	Chọc hút kim nhỏ các hạch	520,000	276,000	Lần
526	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	520,000	276,000	Lần
527	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp	520,000	276,000	Lần
528	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	520,000	276,000	Lần
529	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	240,000	116,000	Lần
530	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	220,000	116,000	Lần
531	Chọc hút tế bào tuyến giáp	220,000	116,000	Lần
532	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	300,000	158,000	Lần
533	Chọc hút u giáp có hướng dẫn của siêu âm	300,000	158,000	Lần
534	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	480,000	143,000	Lần
535	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	1,800,000		Lần
536	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	440,000	228,000	Lần
537	Chọc ối điều trị đa ối	1,440,000	760,000	Lần
538	Chọc ối làm xét nghiệm tế bào	1,440,000	760,000	Lần
539	Chọc thăm dò màng phổi	480,000	143,000	Lần
540	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	270,000	143,000	Lần
541	Chuyển vạt cân cơ cánh tay trước	7,000,000	3,469,000	Lần
542	Cố định CS và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau (PLIF)	18,000,000	5,499,000	Lần
543	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	100,000	53,000	Lần
544	Cố đinh ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới	6,000,000	3,041,000	Lần
545	Cố đinh ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên	6,000,000	3,041,000	Lần
546	Cụt chấn thương cổ và bàn chân	6,000,000	3,011,000	Lần
547	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trôca	1,960,000	1,021,000	Lần
548	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	5,000,000	1,340,000	Lần
549	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	6,000,000	2,576,000	Lần
550	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp ≤ 8 giờ	370,000	188,000	Lần
551	Dẫn lưu màng phổi liên tục ≤ 8 giờ	370,000	188,000	Lần
552	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	1,500,000	697,000	Lần
553	Dẫn lưu nang tụy	7,000,000	2,756,000	Lần
554	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	480,000	143,000	Lần
555	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	4,000,000	1,813,000	Lần
556	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng	490,000	253,000	Lần
557	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	70,000	35,600	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
558	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài	1,310,000	664,000	Lần
559	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng	1,800,000	664,000	Lần
560	Đặt nội khí quản	1,140,000	579,000	Lần
561	Đặt nội khí quản 2 nòng	681,000	579,000	Lần
562	Đặt ống nội khí quản	680,000	579,000	Lần
563	Đặt ống nội khí quản	680,000	579,000	Lần
564	Đặt ống thông dạ dày	180,000	94,300	Lần
565	Đặt ống thông dạ dày	180,000	94,300	Lần
566	Đặt ống thông dạ dày	180,000	94,300	Lần
567	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	180,000	94,300	Lần
568	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	180,000	94,300	Lần
569	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	750,000	384,000	Lần
570	Đặt ống thông hậu môn	160,000	85,900	Lần
571	Đặt ống thông hậu môn	160,000	85,900	Lần
572	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản	3,000,000	929,000	Lần
573	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	1,310,000	664,000	Lần
574	Đặt sonde bàng quang	180,000	94,300	Lần
575	Đặt sonde hậu môn	120,000	85,900	Lần
576	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	160,000	85,900	Lần
577	Đặt thuốc YHCT	90,000	47,500	Lần
578	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	7,000,000	3,730,000	Lần
579	Điều trị bớt sùi bằng Laser CO2	670,000	357,000	Lần
580	Điều trị dày sừng da dầu bằng Laser CO2	670,000	357,000	Lần
581	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây tê hoặc gây tê)	15,000,000	3,036,000	Lần
582	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	15,000,000	2,736,000	Lần
583	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện	670,000	357,000	Lần
584	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)	5,000,000	2,655,000	Lần
585	Điều trị sẩn cục bằng Laser CO2	670,000	357,000	Lần
586	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	300,000	259,000	Lần
587	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn	570,000	309,000	Lần
588	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện	670,000	357,000	Lần
589	Điều trị sùi mào gà bằng Laser CO2	1,360,000	758,000	Lần
590	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	320,000	170,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
591	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay (Răng 6, 7 dưới)	1,200,000	819,000	Lần
592	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay (Răng 6,7)	1,500,000	949,000	Lần
593	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay (Răng 4,5)	1,000,000	589,000	Lần
594	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng châm xoay cầm tay (Răng 1,2,3)	800,000	434,000	Lần
595	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy (Răng 6, 7 dưới)	1,200,000	819,000	Lần
596	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy (Răng 1,2,3)	800,000	434,000	Lần
597	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy (Răng 4,5)	1,000,000	589,000	Lần
598	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy (Răng 6,7)	1,500,000	949,000	Lần
599	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện	670,000	357,000	Lần
600	Điều trị u mềm treo bằng Laser CO2	670,000	357,000	Lần
601	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)	90,000	77,800	Lần
602	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm	120,000		Lần
603	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	4,800,000	1,071,000	Lần
604	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	4,000,000	736,000	Lần
605	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	4,000,000	1,330,000	Lần
606	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel	120,000	59,600	Lần
607	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	120,000	31,200	Lần
608	Đo khúc xạ máy	24,000	10,900	Lần
609	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm	180,000	84,800	Lần
610	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA [2 vị trí]	180,000		Lần
611	Đo nhãnáp (Maclakov, Goldmann, Schiotz…..)	36,000	28,000	Lần
612	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm	60,000	29,600	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
613	Đóng mở thông ruột non	7,000,000	3,730,000	Lần
614	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	8,000,000	4,271,000	Lần
615	Đốt họng hạt bằng nhiệt	160,000	82,900	Lần
616	Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong	6,000,000	2,756,000	Lần
617	Ép tim ngoài lồng ngực	567,000		Lần
618	Forceps	1,900,000	1,021,000	Lần
619	Gãy thân xương cánh tay phẫu thuật phương pháp METAIZEUM	8,000,000	3,878,000	Lần
620	Ghép xương có cuống mạch nuôi	14,000,000	5,214,000	Lần
621	Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng	18,000,000	4,806,000	Lần
622	Giác hút	1,900,000	1,021,000	Lần
623	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng	18,000,000	4,670,000	Lần
624	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng	2,000,000	661,000	Lần
625	Gỡ dính sau mổ lại	6,000,000	2,574,000	Lần
626	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	5,000,000	2,383,000	Lần
627	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)	600,000	583,000	Lần
628	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	696,000	583,000	Lần
629	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện	550,000	485,000	Lần
630	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	410,000	215,000	Lần
631	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục	370,000	188,000	Lần
632	Hút dịch khớp gối	200,000	120,000	Lần
633	Hút đờm hầu họng	20,000	12,200	Lần
634	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.	18,000	12,200	Lần
635	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín	550,000	485,000	Lần
636	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần	380,000	337,000	Lần
637	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	380,000	337,000	Lần
638	Hút nang bao hoạt dịch	230,000	120,000	Lần
639	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	220,000	116,000	Lần
640	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	240,000		Lần
641	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	280,000	145,000	Lần
642	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ	6,000,000	2,981,000	Lần
643	Hủy thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai	5,000,000	2,448,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
644	Kéo nắn cột sống cổ	90,000	48,700	Lần
645	Kéo nắn cột sống thắt lưng	90,000	48,700	Lần
646	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày	7,000,000	3,730,000	Lần
647	Khâu da mi đơn giản	1,600,000	841,000	Lần
648	Khâu giác mạc	1,500,000	777,000	Lần
649	Khâu giác mạc	1,500,000	777,000	Lần
650	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	7,000,000	3,730,000	Lần
651	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	8,000,000	3,730,000	Lần
652	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	3,000,000	1,600,000	Lần
653	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	1,900,000	998,000	Lần
654	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	6,000,000	3,087,000	Lần
655	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	6,000,000	3,087,000	Lần
656	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	6,000,000	3,087,000	Lần
657	Khâu tử cung do nạo thủng	6,000,000	2,881,000	Lần
658	Khâu vết rách vành tai	360,000	184,000	Lần
659	Khâu vết thương lách	7,000,000	3,063,000	Lần
660	Khâu vết thương thành bụng	4,000,000	2,122,000	Lần
661	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu	8,000,000	4,656,000	Lần
662	Khâu vòng cổ tử cung	3,000,000	561,000	Lần
663	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	50,000	23,000	Lần
664	Khí dung thuốc giãn phế quản	40,000	23,000	Lần
665	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	50,000	23,000	Lần
666	Khoét chóp cổ tử cung	6,000,000	2,846,000	Lần
667	KHX qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay	8,000,000	5,250,000	Lần
668	Làm hậu môn nhân tạo	6,000,000	2,576,000	Lần
669	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	6,000,000	2,693,000	Lần
670	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	170,000	88,900	Lần
671	Laser châm	90,000	49,100	Lần
672	Lấy bệnh phẩm làm phiên đồ tế bào cổ tử cung - âm đạo	550,000	322,000	Lần
673	Lấy calci kết mạc	120,000	37,300	Lần
674	Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây mê)	840,000	688,000	Lần
675	Lấy dị vật giác mạc sâu, một mắt (gây mê)	840,000	688,000	Lần
676	Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây tê)	840,000	688,000	Lần
677	Lấy dị vật giác mạc sâu, một mắt (gây tê)	840,000	688,000	Lần
678	Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây mê)	1,330,000	688,000	Lần
679	Lấy dị vật giác mạc sâu, một mắt (gây tê)	1,330,000	688,000	Lần
680	Lấy dị vật giác mạc nông, một mắt (gây tê)	1,330,000	688,000	Lần
681	Lấy dị vật hạ họng	150,000	41,600	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
682	Lấy dị vật kết mạc nông một mắt	130,000	67,000	Lần
683	Lấy dị vật kết mạc	130,000	67,000	Lần
684	Lấy dị vật mũi (Gây mê)	1,100,000	684,000	Lần
685	Lấy dị vật mũi (Gây tê)	1,100,000	684,000	Lần
686	Lấy dị vật tai (gây tê)	240,000	161,000	Lần
687	Lấy dị vật tai (gây mê)	1,100,000	520,000	Lần
688	Lấy dị vật trực tràng	7,200,000	3,730,000	Lần
689	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	5,000,000	2,981,000	Lần
690	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	4,000,000	2,340,000	Lần
691	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	150,000	65,600	Lần
692	Lấy sỏi bàng quang	7,000,000	4,270,000	Lần
693	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	9,000,000	4,270,000	Lần
694	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	9,000,000	4,270,000	Lần
695	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	9,000,000	4,270,000	Lần
696	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	16,800,000	968,000	Lần
697	Leptospira test nhanh	180,000		Lần
698	Mai hoa châm	130,000	69,400	Lần
699	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	5,000,000	2,576,000	Lần
700	Mở khí quản	900,000	734,000	Lần
701	Mở khí quản cấp cứu	1,400,000	734,000	Lần
702	Mở khí quản qua da cấp cứu	900,000	734,000	Lần
703	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	1,440,000	734,000	Lần
704	Mở khí quản qua màng nhẫn giáp	1,440,000	734,000	Lần
705	Mở khí quản thường quy	1,400,000	734,000	Lần
706	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,…)	7,000,000	3,730,000	Lần
707	Mổ sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	8,000,000	2,122,000	Lần
708	Mở sào bào - thượng nhĩ	9,000,000	3,843,000	Lần
709	Mở sào bào thượng nhĩ - vá nhĩ	11,000,000	3,843,000	Lần
710	Mở thông bàng quang trên xương mu	750,000	384,000	Lần
711	Mở thông bàng quang trên xương mu	750,000	384,000	Lần
712	Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi tràng	6,000,000	2,576,000	Lần
713	Mở thông túi mật	6,000,000	2,122,000	Lần
714	Múc nội nhãn	1,100,000	561,000	Lần
715	Mycobacterium tuberculosis Mantoux	24,000	12,300	Lần
716	Mycoplasma hominis test nhanh	285,000	246,000	Lần
717	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	2,000,000	1,724,000	Lần
718	Nắn sống mũi sau chấn thương	3,206,000	2,720,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
719	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	70,000	37,300	Lần
720	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0	600,000	348,000	Lần
721	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0	600,000	348,000	Lần
722	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	600,000	348,000	Lần
723	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	600,000	348,000	Lần
724	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	600,000	348,000	Lần
725	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	600,000	348,000	Lần
726	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	600,000	348,000	Lần
727	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	600,000	348,000	Lần
728	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	1,250,000	637,000	Lần
729	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	1,250,000	637,000	Lần
730	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	600,000	348,000	Lần
731	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	600,000	348,000	Lần
732	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	600,000	348,000	Lần
733	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	600,000	348,000	Lần
734	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	600,000	348,000	Lần
735	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	600,000	271,000	Lần
736	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	600,000	348,000	Lần
737	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	600,000	348,000	Lần
738	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	1,250,000	637,000	Lần
739	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	1,250,000	637,000	Lần
740	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	690,000	357,000	Lần
741	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	690,000	357,000	Lần
742	Nắn, bó bột gãy Dupuptren	600,000	348,000	Lần
743	Nắn, bó bột gãy Dupuptren	600,000	348,000	Lần
744	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	600,000	348,000	Lần
745	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	600,000	348,000	Lần
746	Nắn, bó bột gãy xương gót	600,000	152,000	Lần
747	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	470,000	242,000	Lần
748	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	470,000	242,000	Lần
749	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	600,000	172,000	Lần
750	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	600,000	172,000	Lần
751	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	1,430,000	727,000	Lần
752	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	1,430,000	727,000	Lần
753	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật	1,290,000	652,000	Lần
754	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật	1,290,000	652,000	Lần
755	Nạo hút thai trứng	1,540,000	824,000	Lần
756	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sẩy, sau đẻ	690,000	355,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
757	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	100,000	51,400	Lần
758	Nhổ răng sữa	60,000	40,700	Lần
759	Nối mật ruột bên - bên	8,000,000	4,571,000	Lần
760	Nối mật ruột tận - bên	8,000,000	4,571,000	Lần
761	Nối nang tụy với dạ dày	7,000,000	2,756,000	Lần
762	Nối nang tụy với hỗng tràng	7,000,000	2,756,000	Lần
763	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng	7,000,000	4,465,000	Lần
764	Nối tắt ruột non - ruột non	7,000,000	4,465,000	Lần
765	Nối vị tràng	6,000,000	2,756,000	Lần
766	Nội xoay thai	3,600,000	1,430,000	Lần
767	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	1,160,000	597,000	Lần
768	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	560,000	292,000	Lần
769	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18	2,300,000	1,193,000	Lần
770	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	1,200,000	189,000	Lần
771	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần	1,200,000	320,000	Lần
772	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần	1,800,000	320,000	Lần
773	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	1,200,000	408,000	Lần
774	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	1,200,000	628,000	Lần
775	Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước	2,080,000	1,074,000	Lần
776	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	1,200,000	408,000	Lần
777	Phẫu thật dẫn lưu dịch não tủy thắt lưng-ổ bụng	18,000,000	4,250,000	Lần
778	Phẫu thuật áp xe dưới màng tủy	14,000,000	4,670,000	Lần
779	Phẫu thuật áp xe ngoài màng tủy	14,000,000	4,250,000	Lần
780	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	8,000,000	4,972,000	Lần
781	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	8,000,000	4,322,000	Lần
782	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê (Người lớn)	7,000,000	1,689,000	Lần
783	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê(Trẻ em)	8,400,000	1,133,000	Lần
784	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê (Trẻ em)	8,400,000	1,133,000	Lần
785	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bả đậu dái tai	2,700,000	1,353,000	Lần
786	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bả đậu dái tai	2,700,000	1,353,000	Lần
787	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài	4,000,000	2,038,000	Lần
788	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài	4,000,000	2,038,000	Lần
789	Phẫu thuật cắt Concha Bullosa cuốn mũi	7,700,000	3,996,000	Lần
790	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	8,000,000	3,833,000	Lần
791	Phẫu thuật cắt cụt chi	8,000,000	3,833,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
792	Phẫu thuật cắt hoặc tạo hình cung sau trong điều trị hẹp ống sống	18,000,000	4,670,000	Lần
793	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai	8,000,000	4,681,000	Lần
794	Phẫu thuật cắt mống mắt chu biên	1,000,000	538,000	Lần
795	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	7,000,000	3,829,000	Lần
796	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	4,000,000	1,997,000	Lần
797	Phẫu thuật cắt thùy nông tuyến mang tai-bảo tồn dây VII	10,000,000	4,740,000	Lần
798	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)	6,000,000	2,655,000	Lần
799	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	6,000,000	2,655,000	Lần
800	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	7,000,000	3,894,000	Lần
801	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa	9,000,000	7,655,000	Lần
802	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	8,000,000	5,691,000	Lần
803	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sàn mũi	2,800,000	1,499,000	Lần
804	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	4,000,000	1,340,000	Lần
805	Phẫu thuật cắt u thành bụng	6,000,000	2,122,000	Lần
806	Phẫu thuật cắt u thành ngực	4,000,000	2,122,000	Lần
807	Phẫu thuật chấn thương xoang sàng- hàm	10,700,000	5,453,000	Lần
808	Phẫu thuật chấn thương xoang trán	10,700,000	5,453,000	Lần
809	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	5,000,000	2,655,000	Lần
810	Phẫu thuật chỉnh hình họng màn hầu lưỡi gà (UPPP)	8,300,000	4,296,000	Lần
811	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương	5,300,000	2,720,000	Lần
812	Phẫu thuật chỉnh sửa sau gãy xương Cal lệch xương	7,000,000	3,878,000	Lần
813	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay	7,000,000	3,878,000	Lần
814	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, bán cầu đại não	14,000,000	7,144,000	Lần
815	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, tiểu não	14,000,000	7,144,000	Lần
816	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng	6,000,000	3,044,000	Lần
817	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	7,000,000	3,923,000	Lần
818	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ có choáng	7,000,000	3,883,000	Lần
819	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ	7,000,000	3,469,000	Lần
820	Phẫu thuật cố định cột sống bằng vít qua cuống	18,000,000	5,499,000	Lần
821	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng nẹp vít qua cuống lối sau	18,000,000	5,499,000	Lần
822	Phẫu thuật dẫn lưu máu tụ trong não thất	17,000,000	5,295,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
823	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài trong chấn thương sọ não (CTSN)	17,000,000	4,250,000	Lần
824	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	4,000,000	1,818,000	Lần
825	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	6,000,000	4,830,000	Lần
826	Phẫu thuật đặt catheter vào não thất đo áp lực nội sọ	12,000,000	4,250,000	Lần
827	Phẫu thuật đặt catheter vào nhu mô đo áp lực nội sọ	12,000,000	4,250,000	Lần
828	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay	8,000,000	4,109,000	Lần
829	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)	8,000,000	4,109,000	Lần
830	Phẫu thuật dị vật ống sôngs	17,000,000	5,295,000	Lần
831	Phẫu thuật điề trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	5,000,000	3,699,000	Lần
832	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	6,000,000	2,945,000	Lần
833	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	4,000,000	1,979,000	Lần
834	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	6,000,000	3,087,000	Lần
835	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng chỉ thép	9,000,000	3,136,000	Lần
836	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	10,000,000	3,136,000	Lần
837	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng chỉ thép	15,000,000	3,136,000	Lần
838	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	12,000,000	3,136,000	Lần
839	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng chỉ thép	15,000,000	3,136,000	Lần
840	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim	12,000,000	3,136,000	Lần
841	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	12,000,000	3,036,000	Lần
842	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	15,000,000	2,736,000	Lần
843	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	12,000,000	2,736,000	Lần
844	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	5,000,000	2,457,000	Lần
845	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	5,000,000	2,457,000	Lần
846	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	4,000,000	2,457,000	Lần
847	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	4,000,000	2,122,000	Lần
848	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	8,000,000	3,351,000	Lần
849	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	6,000,000	3,351,000	Lần
850	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	6,000,000	3,351,000	Lần
851	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	7,000,000	3,351,000	Lần
852	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	6,000,000	3,351,000	Lần
853	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	7,000,000	3,351,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
854	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	7,000,000	3,351,000	Lần
855	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	8,000,000	4,109,000	Lần
856	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	10,000,000	7,011,000	Lần
857	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	5,000,000	2,850,000	Lần
858	Phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân	5,000,000	2,168,000	Lần
859	Phẫu thuật đóng cứng khớp khác	7,000,000	3,778,000	Lần
860	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	5,000,000	3,878,000	Lần
861	Phẫu thuật ghép xương tự thân	7,000,000	4,806,000	Lần
862	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu…)	4,000,000	2,457,000	Lần
863	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi	5,000,000	2,850,000	Lần
864	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp	5,000,000	2,850,000	Lần
865	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay	8,000,000	4,109,000	Lần
866	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	13,000,000	3,878,000	Lần
867	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	8,000,000	4,109,000	Lần
868	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	13,000,000	3,878,000	Lần
869	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	8,000,000	3,878,000	Lần
870	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân	8,000,000	3,878,000	Lần
871	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	7,000,000	3,878,000	Lần
872	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	10,000,000	3,878,000	Lần
873	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	8,000,000	4,109,000	Lần
874	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	7,000,000	3,878,000	Lần
875	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu	8,000,000	3,878,000	Lần
876	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	8,000,000	3,878,000	Lần
877	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương cánh tay	8,000,000	4,109,000	Lần
878	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	8,000,000	3,878,000	Lần
879	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	19,000,000	3,878,000	Lần
880	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	5,000,000	3,878,000	Lần
881	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	8,000,000	4,109,000	Lần
882	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng	9,000,000	5,250,000	Lần
883	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương	6,000,000	3,063,000	Lần
884	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	6,000,000	2,693,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
885	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	6,000,000	3,063,000	Lần
886	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	7,000,000	3,421,000	Lần
887	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè	7,000,000	4,109,000	Lần
888	Phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	7,000,000	3,878,000	Lần
889	Phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	8,000,000	3,878,000	Lần
890	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	7,000,000	3,878,000	Lần
891	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi	10,000,000	3,878,000	Lần
892	Phẫu thuật KHX gãy đài quay	7,000,000	3,878,000	Lần
893	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới quơng quay	7,000,000	3,878,000	Lần
894	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay (đinh)	8,000,000	3,878,000	Lần
895	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I hai xương cẳng chân	9,000,000	3,878,000	Lần
896	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I thân xương cánh tay	9,000,000	3,878,000	Lần
897	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II hai xương cẳng chân	9,000,000	3,878,000	Lần
898	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay	9,000,000	3,878,000	Lần
899	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	9,000,000	4,109,000	Lần
900	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân	9,000,000	3,878,000	Lần
901	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay	9,000,000	3,878,000	Lần
902	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	9,000,000	4,109,000	Lần
903	Phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay	9,000,000	3,878,000	Lần
904	Phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay	9,000,000	3,878,000	Lần
905	Phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay	9,000,000	3,878,000	Lần
906	Phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay	9,000,000	4,109,000	Lần
907	Phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	8,000,000	3,878,000	Lần
908	Phẫu thuật KHX gãy liên mấu chuyển xương đùi	10,000,000	3,878,000	Lần
909	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	8,000,000	3,878,000	Lần
910	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi	10,000,000	3,878,000	Lần
911	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi	10,000,000	3,878,000	Lần
912	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay	7,000,000	3,878,000	Lần
913	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	5,000,000	3,878,000	Lần
914	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày	9,000,000	3,878,000	Lần
915	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài	9,000,000	3,878,000	Lần
916	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong	9,000,000	3,878,000	Lần
917	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài (đinh)	7,000,000	3,878,000	Lần
918	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong (đinh)	7,000,000	3,878,000	Lần
919	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	8,000,000	4,109,000	Lần
920	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp	8,000,000	4,109,000	Lần
921	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp	8,000,000	4,109,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
922	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia	7,000,000	3,878,000	Lần
923	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay	8,000,000	3,878,000	Lần
924	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay	5,000,000	3,878,000	Lần
925	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	9,000,000	3,878,000	Lần
926	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay	7,000,000	3,878,000	Lần
927	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	8,000,000	3,878,000	Lần
928	Phẫu thuật KHX gãy thân xương chày	9,000,000	3,878,000	Lần
929	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	10,000,000	3,878,000	Lần
930	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp	10,000,000	3,878,000	Lần
931	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay	8,000,000	3,878,000	Lần
932	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi	10,000,000	3,878,000	Lần
933	Phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi	10,000,000	3,878,000	Lần
934	Phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp	7,000,000	4,109,000	Lần
935	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn	7,000,000	3,878,000	Lần
936	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn	7,000,000	3,878,000	Lần
937	Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay	5,000,000	3,878,000	Lần
938	Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần	6,000,000	3,878,000	Lần
939	Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần	6,000,000	3,878,000	Lần
940	Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	7,000,000	3,878,000	Lần
941	Phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	8,000,000	4,806,000	Lần
942	Phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	7,000,000	3,878,000	Lần
943	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	7,000,000	3,878,000	Lần
944	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay	5,000,000	3,778,000	Lần
945	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	5,000,000	3,778,000	Lần
946	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	6,000,000	2,943,000	Lần
947	Mỏm Cụt 1 Ngón	3,000,000	3,011,000	Lần
948	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, đại não, bằng đường mở nắp sọ	14,000,000	7,144,000	Lần
949	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, tiểu não, bằng đường mở nắp sọ	14,000,000	7,144,000	Lần
950	Phẫu thuật lấy đĩa đệm, ghép xương và cố định CS cổ (ACDF)	18,000,000	5,341,000	Lần
951	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ (Trẻ em)	6,000,000	3,102,000	Lần
952	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ (Gây tê)	5,000,000	520,000	Lần
953	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ (Gây mê)	6,100,000	3,102,000	Lần
954	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	14,000,000	5,295,000	Lần
955	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	17,000,000	5,295,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
956	Phẫu thuật lấy màu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	12,000,000	5,295,000	Lần
957	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài mầng cứng dưới lều tiểu não (hố sau)	14,000,000	5,295,000	Lần
958	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não	14,000,000	5,295,000	Lần
959	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não	14,000,000	5,295,000	Lần
960	Phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất	17,000,000	5,295,000	Lần
961	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch…)	6,000,000	4,336,000	Lần
962	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	8,000,000	4,465,000	Lần
963	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	5,000,000	2,431,000	Lần
964	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	6,000,000	3,102,000	Lần
965	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	8,000,000	4,161,000	Lần
966	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)	8,000,000	4,465,000	Lần
967	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược	12,000,000	8,176,000	Lần
968	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	3,300,000	1,666,000	Lần
969	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lung	18,000,000	4,670,000	Lần
970	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng	18,000,000	5,197,000	Lần
971	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu	18,000,000	5,197,000	Lần
972	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	6,000,000	3,011,000	Lần
973	Phẫu thuật Longo	6,000,000	2,346,000	Lần
974	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	7,000,000	3,455,000	Lần
975	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	7,000,000	3,665,000	Lần
976	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	8,000,000	4,034,000	Lần
977	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/ lấy dị vật	5,000,000	1,499,000	Lần
978	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	1,400,000	734,000	Lần
979	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)	14,000,000	5,295,000	Lần
980	Phẫu thuật mộng đơn thuần	1,700,000	902,000	Lần
981	Phẫu thuật nạo V.A nội soi	6,000,000	2,898,000	Lần
982	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	1,900,000	998,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
983	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	5,000,000	3,011,000	Lần
984	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	1,200,000	348,000	Lần
985	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)	3,000,000	3,087,000	Lần
986	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân)	4,000,000	3,087,000	Lần
987	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	8,000,000	5,229,000	Lần
988	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	8,000,000	6,274,000	Lần
989	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	8,000,000	6,274,000	Lần
990	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung	9,000,000	5,716,000	Lần
991	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	5,500,000	2,834,000	Lần
992	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	1,900,000	998,000	Lần
993	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	3,100,000	1,605,000	Lần
994	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận qua phúc mạc	9,000,000	4,325,000	Lần
995	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc	9,000,000	4,325,000	Lần
996	Phẫu thuật nội soi cắt dây thanh	10,600,000	5,585,000	Lần
997	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU	9,000,000	6,072,000	Lần
998	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc	9,000,000	4,325,000	Lần
999	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc	9,000,000	4,325,000	Lần
1000	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	8,000,000	5,229,000	Lần
1001	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	5,000,000	679,000	Lần
1002	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	1,300,000	679,000	Lần
1003	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	7,000,000	2,657,000	Lần
1004	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	7,000,000	2,657,000	Lần
1005	Phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm	8,000,000	3,378,000	Lần
1006	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	10,000,000	6,072,000	Lần
1007	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn + cắt 2 phần phụ	10,000,000	6,072,000	Lần
1008	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn để lại 2 phần phụ	10,000,000	5,229,000	Lần
1009	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	8,000,000	3,216,000	Lần
1010	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	8,000,000	3,216,000	Lần
1011	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	8,000,000	5,229,000	Lần
1012	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	8,000,000	5,229,000	Lần
1013	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	8,000,000	5,229,000	Lần
1014	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	8,000,000	5,229,000	Lần
1015	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/ hố lưỡi thanh thiệt	6,000,000	3,125,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1016	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	8,000,000	5,229,000	Lần
1017	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	7,700,000	3,996,000	Lần
1018	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	7,700,000	3,996,000	Lần
1019	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	6,700,000	3,311,000	Lần
1020	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	6,100,000	3,102,000	Lần
1021	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai	8,000,000	3,378,000	Lần
1022	Phẫu thuật nội soi điều trị viêm khớp vai	8,000,000	3,378,000	Lần
1023	Phẫu thuật nội soi điều trị vỡ xương bánh chè	9,000,000	3,378,000	Lần
1024	Phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay	8,000,000	3,378,000	Lần
1025	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	8,000,000	5,247,000	Lần
1026	Phẫu thuật nội soi khâu sụn chêm	8,000,000	3,378,000	Lần
1027	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	7,000,000	2,984,000	Lần
1028	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	9,000,000	4,198,000	Lần
1029	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	9,000,000	3,486,000	Lần
1030	Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm	16,100,000	8,419,000	Lần
1031	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang	9,800,000	5,039,000	Lần
1032	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	9,000,000	3,216,000	Lần
1033	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	11,000,000	3,986,000	Lần
1034	Phẫu thuật nội soi mở sàng-hàm, cắt polyp mũi	18,000,000	679,000	Lần
1035	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm	7,700,000	3,996,000	Lần
1036	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	5,900,000	3,037,000	Lần
1037	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	5,900,000	3,037,000	Lần
1038	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	7,700,000	3,996,000	Lần
1039	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	9,000,000	4,198,000	Lần
1040	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ	12,000,000	9,311,000	Lần
1041	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	9,000,000	4,198,000	Lần
1042	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	9,000,000	4,198,000	Lần
1043	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	32,000,000	4,370,000	Lần
1044	Phẫu thuật nội soi tái tạo đồng thời nhiều dây chằng (chéo trước, chéo sau) bằng gân đồng loại	9,000,000	4,370,000	Lần
1045	Phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	32,000,000	4,370,000	Lần
1046	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	8,000,000	5,229,000	Lần
1047	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	8,000,000	5,229,000	Lần
1048	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ	8,000,000	5,229,000	Lần
1049	Phẫu thuật nội soi treo buồng trứng	8,000,000	5,708,000	Lần
1050	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	8,000,000	4,906,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1051	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	8,000,000	5,229,000	Lần
1052	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	7,000,000	3,037,000	Lần
1053	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)	5,000,000	3,131,000	Lần
1054	Mổ quặm 1 mi - gây tê	2,600,000	660,000	Lần
1055	Mổ quặm 2 mi - gây mê	2,800,000	1,474,000	Lần
1056	Mổ quặm 1 mi - gây mê	2,500,000	1,277,000	Lần
1057	Mổ quặm 2 mi - gây tê	1,700,000	877,000	Lần
1058	Mổ quặm 3 mi - gây tê	2,100,000	1,112,000	Lần
1059	Mổ quặm 3 mi - gây mê	3,300,000	1,710,000	Lần
1060	Mổ quặm 4 mi - gây mê	3,700,000	1,921,000	Lần
1061	Mổ quặm 4 mi - gây tê	2,500,000	1,277,000	Lần
1062	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	8,000,000	4,587,000	Lần
1063	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn	5,000,000	2,122,000	Lần
1064	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	4,000,000	1,777,000	Lần
1065	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	5,000,000	3,011,000	Lần
1066	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	5,000,000	3,011,000	Lần
1067	Phẫu thuật tái tạo hình tổn thương mất chất vùng mặt bằng vạt da, cân cơ, xương	11,900,000	6,054,000	Lần
1068	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL và VTYT	3,300,000	2,690,000	Lần
1069	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp ống tai ngoài	7,400,000	3,843,000	Lần
1070	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	6,000,000	2,883,000	Lần
1071	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	6,000,000	3,011,000	Lần
1072	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật liệu ghép tự thân	14,400,000	7,372,000	Lần
1073	Phẫu thuật tạo hình tổn thương mất chất vùng mặt bằng mảnh ghép tự do da, cân cơ, xương	11,900,000	6,054,000	Lần
1074	Phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo	8,000,000	3,828,000	Lần
1075	Phẫu thuật thần kinh chức năng cắt rễ thần kinh chọn lọc	17,000,000	3,063,000	Lần
1076	Phẫu thuật tháo khớp chi	7,000,000	3,833,000	Lần
1077	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	6,000,000	2,122,000	Lần
1078	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	7,000,000	3,435,000	Lần
1079	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần	49,000,000	3,378,000	Lần
1080	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần	12,000,000	3,378,000	Lần
1081	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp háng	12,000,000	5,250,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1082	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	6,000,000	4,830,000	Lần
1083	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	6,000,000	4,830,000	Lần
1084	Phẫu thuật tiệt căn xương chũm cải biên - chỉnh hình tai giữa	11,000,000	5,332,000	Lần
1085	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	6,000,000	3,087,000	Lần
1086	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	6,000,000	3,087,000	Lần
1087	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	5,000,000	3,087,000	Lần
1088	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	6,000,000	3,087,000	Lần
1089	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	5,000,000	3,087,000	Lần
1090	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	3,000,000	3,087,000	Lần
1091	VT Đứt 1 Gân	3,000,000	3,087,000	Lần
1092	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	5,000,000	3,087,000	Lần
1093	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	4,000,000	3,087,000	Lần
1094	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	4,000,000	1,340,000	Lần
1095	Phẫu thuật treo tử cung	6,000,000	2,958,000	Lần
1096	Phẫu thuật tụ mủ dưới màng cứng	14,000,000	7,144,000	Lần
1097	Phẫu thuật tụ mủ ngoài màng cứng	14,000,000	7,144,000	Lần
1098	Phẫu thuật u da đầu thâm nhiễm xương-màng cứng sọ	11,000,000	5,232,000	Lần
1099	Phẫu thuật u dưới trong màng tủy, ngoài tủy, bằng đường vào phía sau hoặc sau -ngoài	24,000,000	5,040,000	Lần
1100	Phẫu thuật u hố sau không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	24,000,000	6,996,000	Lần
1101	Phẫu thuật u ngoài màng cứng tủy sống-rễ thần kinh, bằng đường vào phía sau	24,000,000	5,040,000	Lần
1102	Phẫu thuật u nội sọ, vòm đại não không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	24,000,000	6,996,000	Lần
1103	Phẫu thuật u rễ thần kinh ngoài màng tủy kèm tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau	24,000,000	5,040,000	Lần
1104	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán 2 bên	24,000,000	6,996,000	Lần
1105	Phẫu thuật u trong nhu mô tiểu não, bằng đường mở nắp sọ	24,000,000	6,996,000	Lần
1106	Phẫu thuật u trong và ngoài ống sống, kèm tái tạo đốt sống, bằng đường vào trước hoặc trước-ngoài	24,000,000	5,040,000	Lần
1107	Phẫu thuật u trong và ngoài ống sống, không tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau hoặc sau-ngoài	24,000,000	5,040,000	Lần
1108	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ	24,000,000	5,232,000	Lần
1109	Phẫu thuật vá da diện tích >10cm²	6,000,000	4,400,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1110	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm²	5,000,000	2,883,000	Lần
1111	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	6,000,000	3,063,000	Lần
1112	Phẫu thuật vá đường dò dịch não tủy nền sọ sau CTSN	17,000,000	5,970,000	Lần
1113	Phẫu thuật vá đường dò dịch não tủy ở vòm sọ sau CTSN	17,000,000	5,970,000	Lần
1114	Phẫu thuật vá khuyết sọ sau chấn thương sọ não	12,000,000	4,746,000	Lần
1115	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	9,000,000	3,102,000	Lần
1116	Phẫu thuật vết thương bàn tay	4,000,000	2,122,000	Lần
1117	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	6,000,000	3,087,000	Lần
1118	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	4,000,000	2,660,000	Lần
1119	VT Phần Mềm Đứt Cơ, Bao Cơ 10-20cm	7,000,000	4,830,000	Lần
1120	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	6,000,000	3,087,000	Lần
1121	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương thần kinh giữa, thần kinh trụ, thần kinh quay	9,000,000	4,830,000	Lần
1122	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)	12,000,000	5,596,000	Lần
1123	Phẫu thuật vết thương tủy sống	18,000,000	5,040,000	Lần
1124	Phẫu thuật vết thương tủy sống kết hợp cố định cột sống	18,000,000	5,499,000	Lần
1125	Phẫu thuật viêm xương	5,000,000	3,011,000	Lần
1126	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở	12,000,000	5,596,000	Lần
1127	Phẫu thuật vỡ vật hang do gẫy dương vật	6,000,000	1,340,000	Lần
1128	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm	7,000,000	3,699,000	Lần
1129	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản	7,000,000	3,699,000	Lần
1130	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc	4,000,000	1,499,000	Lần
1131	Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques)	5,600,000	2,887,000	Lần
1132	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương	12,000,000	5,596,000	Lần
1133	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	9,200,000	4,830,000	Lần
1134	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán	13,000,000	5,596,000	Lần
1135	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang tĩnh mạch sọ	12,000,000	5,596,000	Lần
1136	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amygdale (gây mê)	5,600,000	2,898,000	Lần
1137	Phục hồi cổ răng bằng Composite	350,000	348,000	Lần
1138	Phương pháp Proetz	120,000	61,800	Lần
1139	Rạch áp xe mi	370,000	197,000	Lần
1140	Rửa bàng quang	300,000	209,000	Lần
1141	Rửa bàng quang lấy máu cục	300,000	209,000	Lần
1142	Rửa bàng quang lấy máu cục	300,000	209,000	Lần
1143	Rửa cùng đồ	80,000	44,000	Lần
1144	Rửa dạ dày cấp cứu	500,000	131,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1145	Rửa dạ dày cấp cứu	500,000	131,000	Lần
1146	Rửa dạ dày cấp cứu	500,000	131,000	Lần
1147	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	1,180,000	601,000	Lần
1148	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	1,180,000	601,000	Lần
1149	Rửa dạ dày sơ sinh	500,000	131,000	Lần
1150	Rửa màng bụng cấp cứu	860,000	442,000	Lần
1151	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	1,660,000	849,000	Lần
1152	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	2,000,000	1,777,000	Lần
1153	Rút máu để điều trị	470,000	256,000	Lần
1154	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	360,000	184,000	Lần
1155	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh	400,000	336,000	Lần
1156	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	550,000	485,000	Lần
1157	Soi đáy mắt cấp cứu	200,000	55,300	Lần
1158	Soi ối	100,000	50,900	Lần
1159	Tán sỏi thận qua da	8,000,000	2,265,000	Lần
1160	Tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson - Hynes	8,000,000	3,129,000	Lần
1161	Thăm dò chức năng hô hấp	180,000	133,000	Lần
1162	Thăm dò, sinh thiết gan	5,000,000	2,576,000	Lần
1163	Thận nhân tạo cấp cứu	2,000,000	1,565,000	Lần
1164	Thận nhân tạo thường qui	567,000	567,000	Lần
1165	Tháo lồng ruột non	6,000,000	2,574,000	Lần
1166	Tháo xoắn ruột non	6,000,000	2,574,000	Lần
1167	Thắt động mạch gan (riêng, phải, trái)	5,700,000	3,063,000	Lần
1168	Thắt động mạch gan (riêng, phải, trái)	5,700,000	3,063,000	Lần
1169	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	270,000	139,000	Lần
1170	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	270,000	139,000	Lần
1171	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	270,000	139,000	Lần
1172	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	270,000	139,000	Lần
1173	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	380,000	188,000	Lần
1174	Thay canuyn	300,000	253,000	Lần
1175	Thay canuyn mở khí quản	300,000	253,000	Lần
1176	Thay canuyn mở khí quản	300,000	253,000	Lần
1177	Thay canuyn mở khí quản	300,000	253,000	Lần
1178	Thay ống nội khí quản	1,140,000	579,000	Lần
1179	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BiPAP)	1,200,000	583,000	Ngày
1180	Thông bàng quang	180,000	94,300	Lần
1181	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac [giờ theo thực tế]	1,120,000	583,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1182	Thông khí nhân tạo không xâm nhập [giờ theo thực tế]	1,120,000	583,000	Lần
1183	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP [giờ theo thực tế]	1,120,000	583,000	Lần
1184	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP [giờ theo thực tế]	1,120,000	583,000	Lần
1185	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	1,120,000	583,000	Lần
1186	Thông khí nhân tạo xâm nhập [giờ theo thực tế]	1,120,000	583,000	Lần
1187	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) [giờ theo thực tế]	1,120,000	583,000	Lần
1188	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP [giờ theo thực tế]	1,120,000	583,000	Lần
1189	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV [giờ theo thực tế]	1,120,000	583,000	Lần
1190	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV [giờ theo thực tế]	1,120,000	583,000	Lần
1191	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SiMV [giờ theo thực tế]	1,120,000	583,000	Lần
1192	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV [giờ theo thực tế]	1,120,000	583,000	Lần
1193	Thông tiểu	120,000	94,300	Lần
1194	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	1,170,000	628,000	Lần
1195	Thương tích bàn tay phức tạp	9,000,000	4,830,000	Lần
1196	Thụt giữ	160,000	85,900	Lần
1197	Thụt tháo	160,000	85,900	Lần
1198	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	160,000	85,900	Lần
1199	Thụt tháo phân	160,000	85,900	Lần
1200	Thụt tháo phân	160,000	85,900	Lần
1201	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	4,000,000	2,981,000	Lần
1202	Vận động trị liệu bàng quang	372,000	308,000	Lần
1203	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	120,000		Lần
1204	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	120,000		Lần
1205	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	120,000		Lần
1206	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	120,000		Lần
1207	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	120,000		Lần
1208	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	120,000		Lần
1209	Bẻ cuốn dưới	172,000	144,000	Lần
1210	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	194,000	152,000	Lần
1211	Bóc nang tuyến Bartholin	1,781,000	1,309,000	Lần
1212	Bóc nang tuyến Bartholin	2,000,000	1,309,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1213	Bơm thông lệ đạo	129,000	98,600	Lần
1214	Bơm thuốc thanh quản	28,000		Lần
1215	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)	390,000	279,000	Lần
1216	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	2,500,000	1,340,000	Lần
1217	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	2,500,000	1,340,000	Lần
1218	Cắt đoạn ruột non	6,395,000	4,801,000	Lần
1219	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	247,000	184,000	Lần
1220	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	3,644,000		Lần
1221	Cắt u bao gân	2,364,000		Lần
1222	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	4,000,000	1,914,000	Lần
1223	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	3,000,000	1,914,000	Lần
1224	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	3,000,000	1,298,000	Lần
1225	Cắt u nang buồng trứng	4,082,000	3,044,000	Lần
1226	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	4,082,000	3,044,000	Lần
1227	Cắt u nang buồng trứng xoắn	4,082,000	3,044,000	Lần
1228	Cắt u thành âm đạo	2,822,000	2,128,000	Lần
1229	Cắt u thành âm đạo	5,000,000	2,128,000	Lần
1230	Cắt u vú lành tính	3,964,000	2,962,000	Lần
1231	Cắt u xương sụn lành tính	7,000,000	3,870,000	Lần
1232	Chích áp xe phần mềm lớn	249,000	197,000	Lần
1233	Chích áp xe tầng sinh môn	1,124,000	831,000	Lần
1234	Chích áp xe tầng sinh môn	1,610,000	831,000	Lần
1235	Chích áp xe tuyến Bartholin	1,127,000	875,000	Lần
1236	Chích áp xe tuyến Bartholin	1,127,000	875,000	Lần
1237	Chích chắp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc	240,000	81,000	Lần
1238	Chích hạch viêm mủ	249,000	197,000	Lần
1239	Chích nhọt ống tai ngoài	249,000	197,000	Lần
1240	Chích nhọt ống tai ngoài	249,000	197,000	Lần
1241	Chích rạch áp xe nhỏ	360,000	197,000	Lần
1242	Chọc áp xe gan qua siêu âm	208,000	159,000	Lần
1243	Chọc dịch màng bụng	188,000	143,000	Lần
1244	Chọc dò dịch não tuỷ	210,000	114,000	Lần
1245	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	243,000	183,000	Lần
1246	Chọc dò túi cùng Douglas	384,000	291,000	Lần
1247	Chọc dò túi cùng Douglas	384,000	291,000	Lần
1248	Chọc dò túi cùng Douglas	384,000	291,000	Lần
1249	Chọc hút áp xe thành bụng	249,000	197,000	Lần
1250	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	68,000	56,800	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1251	Chọc rửa xoang hàm	381,000		Lần
1252	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	243,000	183,000	Lần
1253	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt cột sống thắt lưng – cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF)	18,000,000	5,499,000	Lần
1254	Cố định CS và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng – cùng đường sau (PLIF)	18,000,000	5,499,000	Lần
1255	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	90,000	46,500	Lần
1256	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	90,000	46,500	Lần
1257	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn	249,000	197,000	Lần
1258	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	1,124,000	831,000	Lần
1259	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	5,000,000	1,813,000	Lần
1260	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	5,000,000	1,813,000	Lần
1261	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	3,900,000	2,945,000	Lần
1262	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	6,000,000	2,945,000	Lần
1263	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	1,149,000	869,000	Lần
1264	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	1,149,000	869,000	Lần
1265	Dẫn lưu đài bể thận qua da	4,000,000	929,000	Lần
1266	Dẫn lưu dịch màng bụng	188,000	143,000	Lần
1267	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	5,000,000	1,813,000	Lần
1268	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	5,000,000	1,813,000	Lần
1269	Dẫn lưu túi mật	3,690,000	2,756,000	Lần
1270	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	3,600,000	2,756,000	Lần
1271	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	947,000	697,000	Lần
1272	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC)	300,000	259,000	Lần
1273	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz…)	34,000		Lần
1274	Đốt họng bằng khí nitơ lỏng	210,000	151,000	Lần
1275	Đốt lạnh họng hạt	181,000	134,000	Lần
1276	Đốt nhiệt họng hạt	108,000	82,900	Lần
1277	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lư-ng	18,000,000	4,670,000	Lần
1278	Khâu cò mi, tháo cò	800,000	419,000	Lần
1279	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	351,000	268,000	Lần
1280	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần	4,916,000	3,730,000	Lần
1281	Khâu phục hồi bờ mi	928,000	737,000	Lần
1282	Khâu rách cùng đồ âm đạo	2,606,000	1,979,000	Lần
1283	Khâu rách cùng đồ âm đạo	4,000,000	1,979,000	Lần
1284	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	247,000	184,000	Lần
1285	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	300,000	248,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1286	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	247,000		Lần
1287	Khí dung mũi họng	50,000	23,000	Lần
1288	Khí dung mũi họng	50,000	23,000	Lần
1289	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	3,000,000	1,581,000	Lần
1290	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	3,938,000	2,943,000	Lần
1291	Làm Proetz	120,000	61,800	Lần
1292	Làm thuốc tai	120,000	21,100	Lần
1293	Làm thuốc tai	120,000		Lần
1294	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	28,000	21,100	Lần
1295	Lấy dị vật âm đạo	1,150,000	602,000	Lần
1296	Lấy dị vật âm đạo	779,000	602,000	Lần
1297	Lấy dị vật họng miệng	57,000		Lần
1298	Lấy dị vật tai	86,000	65,600	Lần
1299	Lấy máu tụ tầng sinh môn	3,091,000	2,340,000	Lần
1300	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	9,000,000	4,270,000	Lần
1301	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	9,000,000	4,270,000	Lần
1302	Lấy sỏi san hô thận	8,000,000	4,270,000	Lần
1303	Mổ bóc nhân xơ vú	1,363,000	1,019,000	Lần
1304	Mở bụng thăm dò	5,000,000	2,576,000	Lần
1305	Mở bụng thăm dò	3,523,000	2,576,000	Lần
1306	Mổ lấy sỏi bàng quang	5,630,000	4,270,000	Lần
1307	Mở rộng lỗ sáo	2,500,000	1,340,000	Lần
1308	Mở rộng lỗ sáo	2,500,000	1,340,000	Lần
1309	Mở thông bàng quang	518,000	384,000	Lần
1310	Mở thông dạ dày	3,523,000	2,576,000	Lần
1311	Mở thông dạ dày	5,000,000	2,576,000	Lần
1312	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	3,523,000	2,576,000	Lần
1313	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	555,000	412,000	Lần
1314	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	555,000	412,000	Lần
1315	Nắn, bó bột cột sống	879,000	357,000	Lần
1316	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	460,000	348,000	Lần
1317	Nắn, bó bột gẫy 1/3 dưới thân xương cánh tay	460,000	348,000	Lần
1318	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	460,000	348,000	Lần
1319	Nắn, bó bột gẫy 1/3 giữa thân xương cánh tay	460,000	271,000	Lần
1320	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	460,000	348,000	Lần
1321	Nắn, bó bột gẫy 1/3 trên thân xương cánh tay	460,000	348,000	Lần
1322	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	460,000	348,000	Lần
1323	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	879,000	637,000	Lần
1324	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	460,000	348,000	Lần
1325	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	879,000	637,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1326	Nắn, bó bột gãy mâm chày	460,000	348,000	Lần
1327	Nắn, bó bột gãy Monteggia	460,000	348,000	Lần
1328	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	460,000	348,000	Lần
1329	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	460,000	348,000	Lần
1330	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	460,000	348,000	Lần
1331	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	324,000	242,000	Lần
1332	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	324,000	242,000	Lần
1333	Nắn, bó bột gãy xương chậu	879,000	637,000	Lần
1334	Nắn, bó bột gãy xương chày	420,000	348,000	Lần
1335	Nắn, bó bột gãy xương đòn	555,000		Lần
1336	Nắn, bó bột gẫy xương gót	194,000	152,000	Lần
1337	Nắn, bó bột gãy xương hàm	555,000		Lần
1338	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	324,000	242,000	Lần
1339	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	360,000	267,000	Lần
1340	Nắn, bó bột trật khớp gối	3,000,000	267,000	Lần
1341	Nắn, bó bột trật khớp háng	3,000,000	652,000	Lần
1342	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	2,000,000	412,000	Lần
1343	Nắn, bó bột trật khớp vai	2,000,000	327,000	Lần
1344	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	555,000	412,000	Lần
1345	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	360,000	267,000	Lần
1346	Nắn, cố định trật khớp hàm	480,000	234,000	Lần
1347	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật	914,000	652,000	Lần
1348	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè	5,196,000	3,878,000	Lần
1349	Nhét bấc mũi sau	154,000	124,000	Lần
1350	Nhét bấc mũi sau	154,000	124,000	Lần
1351	Nhét bấc mũi trước	154,000	124,000	Lần
1352	Nhét bấc mũi trước	154,000	124,000	Lần
1353	Nối gân duỗi	4,072,000	3,087,000	Lần
1354	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	3,900,000	2,945,000	Lần
1355	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	2,424,000		Lần
1356	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	3,962,000	3,011,000	Lần
1357	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)	6,000,000	2,655,000	Lần
1358	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	7,000,000	3,868,000	Lần
1359	Phẫu thuật cố định mảng sườn di động bằng nẹp	9,221,000	6,943,000	Lần
1360	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay	10,000,000	3,878,000	Lần
1361	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	3,900,000	2,945,000	Lần
1362	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay	5,196,000	3,878,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1363	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	5,196,000	3,878,000	Lần
1364	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	5,196,000	3,878,000	Lần
1365	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	5,196,000	3,878,000	Lần
1366	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	3,962,000	3,011,000	Lần
1367	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn	8,000,000	3,878,000	Lần
1368	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận	8,000,000	3,063,000	Lần
1369	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	5,000,000	2,605,000	Lần
1370	Phẫu thuật máu tụ ngoài màng cứng tủy sống	17,000,000	5,295,000	Lần
1371	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	8,000,000	4,034,000	Lần
1372	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	6,000,000	3,044,000	Lần
1373	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	7,500,000	3,044,000	Lần
1374	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	8,000,000	4,447,000	Lần
1375	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	10,000,000	6,072,000	Lần
1376	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	3,543,000	2,655,000	Lần
1377	Phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo	8,000,000	3,828,000	Lần
1378	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	4,546,000	3,351,000	Lần
1379	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên	4,546,000	3,351,000	Lần
1380	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay	3,000,000	3,087,000	Lần
1381	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	3,543,000	2,655,000	Lần
1382	Phẫu thuật u dưới trong màng tủy, ngoài tuỷ, bằng đường vào phía sau hoặc sau –ngoài	24,000,000	5,040,000	Lần
1383	Phẫu thuật vết thương khớp	6,000,000	2,850,000	Lần
1384	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa (Người lớn)	8,400,000	4,447,000	Lần
1385	Phẫu thuật viêm ruột thừa	7,000,000	2,654,000	Lần
1386	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	3,962,000	3,011,000	Lần
1387	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	3,962,000	3,011,000	Lần
1388	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	5,000,000	2,383,000	Lần
1389	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	3,245,000	2,383,000	Lần
1390	Rạch áp xe túi lệ	249,000	197,000	Lần
1391	Rút chỉ thép xương ức	2,420,000	1,777,000	Lần
1392	Rút đinh các loại	2,420,000	1,777,000	Lần
1393	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	3,640,000	1,777,000	Lần
1394	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	247,000	184,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1395	Tán sỏi ngoài cơ thể	5,000,000	2,412,000	Lần
1396	Tạo hình bằng các vạt tại chỗ đơn giản	4,560,000	3,469,000	Lần
1397	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	735,000	530,000	Lần
1398	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	532,000	383,000	Lần
1399	Test nội bì	673,000	482,000	Lần
1400	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	3,962,000	3,011,000	Lần
1401	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	3,543,000	2,655,000	Lần
1402	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	72,000	60,000	Lần
1403	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	500,000	406,000	Lần
1404	Tiêm bắp thịt	14,000	12,800	Lần
1405	Tiêm cạnh nhãn cầu	64,000	50,300	Lần
1406	Tiêm dưới da	14,000	12,800	Lần
1407	Tiêm dưới kết mạc	64,000	50,300	Lần
1408	Tiêm hậu nhãn cầu	64,000	50,300	Lần
1409	Tiêm tĩnh mạch	14,000	12,800	Lần
1410	Tiêm trong da	14,000	12,800	Lần
1411	Treo cổ bàng quang điều trị đái rỉ ở nữ	8,000,000	2,122,000	Lần
1412	Truyền tĩnh mạch	28,000	22,800	Lần
1413	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	1,900,000	968,000	Lần
1414	Điều trị tủy răng sữa	600,000	394,000	Lần
1415	Đặt bóng đối xung động mạch chủ	8,400,000		Lần
1416	Đóng các lỗ rò động mạch, tĩnh mạch	8,400,000		Lần
1417	Chọc dịch tuỷ sống	210,000	114,000	Lần
1418	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hoá (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	1,660,000	849,000	Lần
1419	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	9,000,000	4,270,000	Lần
1420	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	6,000,000	3,878,000	Lần
1421	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay	6,000,000	3,878,000	Lần
1422	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	300,000	201,000	Lần
1423	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân và chia tách chân răng	1,500,000	362,000	Lần
1424	Chích áp xe lợi	120,000		Lần
1425	Nhổ chân răng vĩnh viễn	250,000	200,000	Lần
1426	Nhổ răng vĩnh viễn	400,000	218,000	Lần
1427	Nhổ răng thừa	400,000	218,000	Lần
1428	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	200,000	105,000	Lần
1429	Cắt phymosis	4,000,000	248,000	Lần
1430	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	60,000	22,800	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1431	Cắt bán phần 2 thuỳ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm	12,000,000	6,704,000	Lần
1432	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	490,000	258,000	Lần
1433	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ½ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	1,230,000	654,000	Lần
1434	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng lan tỏa cả bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	1,230,000	654,000	Lần
1435	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	300,000	197,000	Lần
1436	Tán sỏi thận qua da bằng máy tán hơi + siêu âm/ có C.Arm	9,500,000	5,087,000	Lần
1437	Tán sỏi thận qua da có C.Arm + siêu âm/ Laser	9,500,000	5,087,000	Lần
1438	Cắt bỏ chắp có bọc	160,000	81,000	Lần
1439	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)	160,000	88,400	Lần
1440	Phẫu thuật tạo hình vùng mặt thiểu sản	8,000,000		Lần
1441	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vạt da	6,400,000	3,311,000	Lần
1442	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	240,000	184,000	Lần
1443	Cắt chỉ sau phẫu thuật	70,000	35,600	Lần
1444	Thay băng vết mổ	160,000	85,000	Lần
1445	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	240,000	197,000	Lần
1446	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp cửa mũi trước	14,400,000	7,372,000	Lần
1447	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt	5,300,000	2,737,000	Lần
1448	Phẫu thuật lấy sụn vành tai làm vật liệu ghép tự thân	6,400,000	3,311,000	Lần
1449	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân	6,400,000	3,311,000	Lần
1450	Phẫu thuật lấy sụn sườn làm vật liệu ghép tự thân	6,400,000	3,311,000	Lần
1451	Phẫu thuật chỉnh hình thu nhỏ vành tai	2,800,000	1,499,000	Lần
1452	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	6,000,000	2,385,000	Lần
1453	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	6,000,000	2,385,000	Lần
1454	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	6,000,000	2,385,000	Lần
1455	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	6,000,000	2,385,000	Lần
1456	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	5,000,000	2,605,000	Lần
1457	Thay băng, cắt chỉ vết mổ (Cắt chỉ)	60,000	35,600	Lần
1458	Trám tạm	120,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1459	Trám tái tạo răng vỡ lớn có đặt chốt	600,000		Lần
1460	Gắn hột xoàn (BN mua hột)	300,000		Lần
1461	Răng sứ veneer/ sứ Lisi HT/ sứ emax	6,000,000		Lần
1462	Tẩy trắng răng tại nhà	1,000,000		Lần
1463	Cùi giả đúc	500,000		Lần
1464	Cùi giả Zirconia	1,000,000		Lần
1465	Ống thuốc tẩy trắng	250,000		Lần
1466	Cắt lợi trùm	240,000		Lần
1467	Phẫu thuật cắt u lợi khe	1,200,000		Lần
1468	Cắt nướu triển dưỡng / răng	120,000		Lần
1469	Cắt mão / răng	200,000		Lần
1470	Tháo cố định hàm sau phẫu thuật	1,200,000		Lần
1471	Xử trí viêm ổ răng sau nhổ	240,000		Lần
1472	Gắp mảnh gãy thân răng	120,000		Lần
1473	Mài chỉnh khớp cắn / răng	120,000		Lần
1474	Vá hàm / đệm hàm / thêm lưới / thêm móc	500,000		Lần
1475	Phẫu thuật nang nhái / nang mềm dịch	1,200,000		Lần
1476	Điều chỉnh xương ổ răng / răng	240,000		Lần
1477	Làm dài thân răng lâm sàng / Răng	600,000		Lần
1478	Phẫu thuật nhổ nhiều răng có điều chỉnh xương ổ răng	1,200,000		Lần
1479	Rạch áp xe có dẫn lưu	600,000		Lần
1480	Xử trí cầm máu sau nhổ răng	240,000		Lần
1481	Chữa đau hàm giả	120,000		Lần
1482	Gắn lại răng giả / Răng	200,000		Lần
1483	Khâu vết thương đơn giản vùng RHM	240,000		Lần
1484	Khâu vết thương phức tạp vùng RHM	600,000		Lần
1485	Đo điện cơ cơ bản	180,000		Lần
1486	Khảo sát dẫn truyền thần kinh cơ bản	300,000		Lần
1487	Đo Điện Tâm Đồ Gắng Sức	240,000		Lần
1488	Rút sonde JJ	1,000,000		Lần
1489	Đo điện cơ cơ bản (Chi Dưới)	180,000		Lần
1490	Đo điện cơ chi dưới	180,000		Lần
1491	Đo điện cơ cơ bản (Chi Trên)	180,000		Lần
1492	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa (Trẻ em)	8,400,000	4,447,000	Lần
1493	Rạch tháo mủ	300,000		Lần
1494	Nắn trật khớp vai	2,000,000		Lần
1495	Thay băng, cắt chỉ vết mổ (dài từ 30 cm đến 50 cm)	144,000	115,000	Lần
1496	Thay băng, cắt chỉ vết mổ(dài từ 15cm đến 30 cm)	180,000	139,000	Lần
1497	Bột cánh cẳng bàn tay (Trẻ em)	300,000		Lần
1498	Bột cánh cẳng bàn tay (Người lớn)	360,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1499	Đốt điện tăng sinh niêm mạc tầng sinh môn	120,000		Lần
1500	Phá thai 10 tuần	2,400,000		Lần
1501	Phá thai 11 tuần	3,000,000		Lần
1502	Phá thai 12 tuần	3,600,000		Lần
1503	Phá thai 13 tuần	4,200,000		Lần
1504	Phá thai 14 tuần	4,800,000		Lần
1505	Phá thai 15 tuần (Trọn gói)	12,000,000		Lần
1506	Rạch áp xe trong miệng	240,000		Lần
1507	Phẫu thuật điều chỉnh sóng hàm	1,400,000		Lần
1508	Phẫu thuật điều chỉnh torus	1,400,000		Lần
1509	Phẫu thuật điều trị cười hở nướu	5,000,000		Lần
1510	Răng sứ Zircornia	4,000,000		Cái
1511	Răng sứ cercon	5,000,000		Cái
1512	Răng Việt Nam tháo lắp / răng	400,000		Cái
1513	Răng Mỹ tháo lắp / răng	500,000		Cái
1514	Răng Composite tháo lắp / răng	600,000		Cái
1515	Hàm nhựa dẻo biosoft	3,000,000		Cái
1516	Máng nhai thư giản 3-6 tháng	1,500,000		Cái
1517	Máng tẩy trắng răng tại nhà	250,000		Cái
1518	Tẩy trắng răng tại phòng	1,000,000		Cái
1519	Cấy que tránh thai	2,500,000		Lần
1520	Lấy que tránh thai	500,000		Lần
1521	Lấy vòng mất dây	600,000		Lần
1522	Lấy vòng còn dây	200,000		Lần
1523	Nẹp bột cánh cẳng bàn tay	300,000		Lần
1524	Bột cánh bàn tay (NL)	324,000		Lần
1525	Nắn, bó bột bàn chân - bàn tay	180,000		Lần
1526	Thay ống sode	240,000		Lần
1527	Điều trị sẹo	540,000		Lần
1528	Cắt bướu bằng Plasma	200,000		Lần
1529	Phim Quanh Chóp	36,000		Lần
1530	Điều trị suy giãn tĩnh mạch	90,000		Lần
1531	Rửa vết thương + chiếu tia Plasma	120,000		Lần
1532	Phẫu thuật gãy kín 2 tầng xương chày	9,000,000		Lần
1533	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay (dụng cụ nẹp)	8,000,000	3,878,000	Lần
1534	Phẫu thuật gãy xương bàn tay (1 ngón)	2,000,000		Lần
1535	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài (dụng cụ nẹp)	7,000,000	3,878,000	Lần
1536	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong (dụng cụ nẹp)	7,000,000	3,878,000	Lần
1537	Phẫu thuật vết thương đứt động mạch quay (hoặc DM trụ)	4,000,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1538	Cắt hẹp bao quy đầu (bằng máy)	3,000,000	1,340,000	Lần
1539	Đặt Sonde JJ trong nội soi ống mềm	1,000,000		Lần
1540	Chấm sùi mào gà bằng thuốc	300,000		Lần
1541	Đo Holter ECG 24h	400,000		Lần
1542	Rửa mũi	300,000		Lần
1543	Rạch áp xe âm hộ	1,500,000		Lần
1544	Đệm hàm mềm	3,000,000		Cái
1545	Đo tim thai bằng Doppler	100,000		Lần
1546	Theo dõi tim thai và cơn co tử cung bằng monitoring	100,000		Lần
1547	Đặt túi ối	1,000,000		Lần
1548	Hạ huyết áp chỉ huy	120,000		Lần
1549	Cắt bỏ tinh hoàn	5,000,000	2,383,000	Lần
1550	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	35,000,000	4,270,000	Lần
1551	Phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo [Gây tê]	7,000,000	1,926,000	Lần
1552	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt [Gây tê]	4,000,000	2,042,000	Lần
1553	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille [Gây tê]	5,000,000	2,389,000	Lần
1554	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng [Gây tê]	3,900,000	2,236,000	Lần
1555	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau [Gây tê]	5,000,000	2,389,000	Lần
1556	Khâu tử cung do nạo thủng [Gây tê]	5,000,000	2,303,000	Lần
1557	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai [Gây tê]	7,000,000	3,409,000	Lần
1558	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa [Gây tê]	9,000,000	2,635,000	Lần
1559	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung [Gây tê]	7,000,000	3,480,000	Lần
1560	Phẫu thuật lấy thai lần đầu [Gây tê]	4,000,000	1,600,000	Lần
1561	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch…) [Gây tê]	6,000,000	2,978,000	Lần
1562	Phẫu thuật viêm ruột thừa [Gây tê]	7,000,000	2,116,000	Lần
1563	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa [Gây tê]	8,400,000	2,992,000	Lần
1564	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...) [Gây tê]	7,000,000	3,305,000	Lần
1565	Lấy sỏi bàng quang [Gây tê]	6,000,000	3,248,000	Lần
1566	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang [Gây tê]	9,000,000	3,859,000	Lần
1567	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng [Gây tê]	7,000,000	3,555,000	Lần
1568	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng [Gây tê]	6,000,000	2,169,000	Lần
1569	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang [Gây tê]	8,000,000	3,248,000	Lần
1570	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần [Gây tê]	8,000,000	3,248,000	Lần
1571	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận [Gây tê]	8,000,000	3,248,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1572	Lấy sỏi san hô thận [Gây tê]	7,000,000	3,248,000	Lần
1573	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang [Gây tê]	8,000,000	3,248,000	Lần
1574	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang [Gây tê]	8,000,000	3,248,000	Lần
1575	Phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay [Gây tê]	8,000,000	4,059,000	Lần
1576	Cắt ruột thừa đơn thuần [Gây tê]	6,000,000	2,116,000	Lần
1577	Làm hậu môn nhân tạo [Gây tê]	5,000,000	2,169,000	Lần
1578	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng [Gây tê]	6,000,000	2,236,000	Lần
1579	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I [Gây tê]	4,000,000	2,389,000	Lần
1580	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên [Gây tê]	5,000,000	2,389,000	Lần
1581	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước [Gây tê]	5,000,000	2,389,000	Lần
1582	Cụt chấn thương cổ và bàn chân [Gây tê]	5,000,000	2,278,000	Lần
1583	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn [Gây tê]	3,000,000	1,798,000	Lần
1584	Thăm dò, sinh thiết gan [Gây tê]	4,100,000	2,169,000	Lần
1585	Phẫu thuật tháo khớp chi [Gây tê]	6,000,000	3,014,000	Lần
1586	Phẫu thuật cắt cụt chi [Gây tê]	7,000,000	3,014,000	Lần
1587	Nối gân duỗi [Gây tê]	4,072,000	2,389,000	Lần
1588	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu [Gây tê]	3,962,000	2,278,000	Lần
1589	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp [Gây tê]	7,000,000	2,960,000	Lần
1590	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên [Gây tê]	5,000,000	2,357,000	Lần
1591	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược [Gây tê]	12,000,000	6,776,000	Lần
1592	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...) [Gây tê]	7,000,000	3,305,000	Lần
1593	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ [Gây tê]	5,000,000	1,928,000	Lần
1594	Cắt u thành âm đạo [Gây tê]	2,822,000	1,577,000	Lần
1595	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ [Gây tê]	6,000,000	1,964,000	Lần
1596	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I [Gây tê]	3,000,000	2,389,000	Lần
1597	Cắt nối niệu đạo trước [Gây tê]	8,000,000	3,378,000	Lần
1598	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu [Gây tê]	4,000,000	2,042,000	Lần
1599	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay [Gây tê]	5,000,000	2,229,000	Lần
1600	Nối vị tràng [Gây tê]	6,000,000	2,206,000	Lần
1601	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan [Gây tê]	3,900,000	2,236,000	Lần
1602	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay [Gây tê]	6,000,000	2,422,000	Lần
1603	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp [Gây tê]	8,200,000	3,930,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1604	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản [Gây tê]	4,000,000	2,115,000	Lần
1605	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi [Gây tê]	5,000,000	2,278,000	Lần
1606	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm [Gây tê]	5,000,000	2,278,000	Lần
1607	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp [Gây tê]	8,000,000	3,930,000	Lần
1608	Mở thông dạ dày [Gây tê]	3,523,000	2,169,000	Lần
1609	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân) [Gây tê]	4,000,000	2,389,000	Lần
1610	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân) [Gây tê]	3,000,000	2,389,000	Lần
1611	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10cm² [Gây tê]	5,000,000	2,422,000	Lần
1612	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản [Gây tê]	3,543,000	2,115,000	Lần
1613	Mở bụng thăm dò [Gây tê]	5,000,000	2,169,000	Lần
1614	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ) [Gây tê]	4,000,000	2,115,000	Lần
1615	Mở bụng thăm dò, sinh thiết [Gây tê]	5,000,000	2,169,000	Lần
1616	Khâu rách cùng đồ âm đạo [Gây tê]	2,606,000	1,429,000	Lần
1617	Mở thông dạ dày [Gây tê]	5,000,000	2,169,000	Lần
1618	Phẫu thuật ghép xương tự thân [Gây tê]	7,000,000	4,059,000	Lần
1619	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây) [Gây tê]	5,000,000	2,433,000	Lần
1620	Phẫu thuật vá da diện tích >10cm² [Gây tê]	6,000,000	3,665,000	Lần
1621	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu [Gây tê]	4,000,000	1,368,000	Lần
1622	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu [Gây tê]	4,000,000	1,368,000	Lần
1623	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn [Gây tê]	4,000,000	1,928,000	Lần
1624	Cắt bỏ tinh hoàn [Gây tê]	4,000,000	1,928,000	Lần
1625	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ [Gây tê]	8,000,000	2,115,000	Lần
1626	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson) [Gây tê]	5,000,000	2,115,000	Lần
1627	Phẫu thuật đóng cứng khớp khác [Gây tê]	6,000,000	3,038,000	Lần
1628	Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong [Gây tê]	6,000,000	2,206,000	Lần
1629	Cắt u xương sụn lành tính [Gây tê]	6,000,000	3,123,000	Lần
1630	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi [Gây tê]	5,000,000	2,389,000	Lần
1631	Phẫu thuật điề trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng [Gây tê]	5,000,000	2,960,000	Lần
1632	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II [Gây tê]	5,000,000	2,389,000	Lần
1633	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V [Gây tê]	5,000,000	2,389,000	Lần
1634	Phẫu thuật vết thương khớp [Gây tê]	5,000,000	2,229,000	Lần
1635	Cắt u vú lành tính [Gây tê]	3,964,000	2,422,000	Lần
1636	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết [Gây tê]	5,000,000	2,278,000	Lần
1637	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi [Gây tê]	5,000,000	2,229,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1638	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp [Gây tê]	5,000,000	2,229,000	Lần
1639	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang [Gây tê]	5,000,000	1,368,000	Lần
1640	Mở thông dạ dày ra da do ung thư [Gây tê]	3,523,000	2,169,000	Lần
1641	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón [Gây tê]	3,000,000	2,278,000	Lần
1642	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường [Gây tê]	4,546,000	2,655,000	Lần
1643	Mở bụng thăm dò [Gây tê]	3,523,000	2,169,000	Lần
1644	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius [Gây tê]	5,000,000	1,368,000	Lần
1645	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay [Gây tê]	8,000,000	3,014,000	Lần
1646	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động [Gây tê]	6,000,000	3,930,000	Lần
1647	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động [Gây tê]	6,000,000	3,930,000	Lần
1648	Khâu rách cùng đồ âm đạo [Gây tê]	3,000,000	1,429,000	Lần
1649	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp [Gây tê]	6,000,000	2,389,000	Lần
1650	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi [Gây tê]	6,000,000	2,389,000	Lần
1651	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang [Gây tê]	7,000,000	3,378,000	Lần
1652	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động [Gây tê]	6,000,000	3,930,000	Lần
1653	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay [Gây tê]	5,000,000	3,038,000	Lần
1654	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung [Gây tê]	6,000,000	2,699,000	Lần
1655	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần [Gây tê]	7,000,000	3,262,000	Lần
1656	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn [Gây tê]	7,000,000	3,262,000	Lần
1657	Cắt u thành âm đạo [Gây tê]	5,000,000	1,577,000	Lần
1658	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương thần kinh giữa, thần kinh trụ, thần kinh quay [Gây tê]	8,000,000	3,930,000	Lần
1659	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng [Gây tê]	7,000,000	2,992,000	Lần
1660	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa [Gây tê]	5,000,000	1,964,000	Lần
1661	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini [Gây tê]	5,000,000	2,655,000	Lần
1662	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung [Gây tê]	4,000,000	1,428,000	Lần
1663	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung [Gây tê]	7,000,000	2,609,000	Lần
1664	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo [Gây tê]	6,000,000	3,122,000	Lần
1665	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác [Gây tê]	6,000,000	2,655,000	Lần
1666	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi [Gây tê]	6,000,000	2,655,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1667	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên [Gây tê]	11,000,000	2,655,000	Lần
1668	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn [Gây tê]	6,000,000	3,183,000	Lần
1669	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice [Gây tê]	5,000,000	2,655,000	Lần
1670	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein [Gây tê]	6,000,000	2,655,000	Lần
1671	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán [Gây tê]	6,000,000	2,290,000	Lần
1672	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo) [Gây tê]	6,000,000	3,048,000	Lần
1673	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung [Gây tê]	9,000,000	4,881,000	Lần
1674	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung [Gây tê]	7,000,000	3,686,000	Lần
1675	Nội soi buồng tử cung can thiệp [Gây tê]	7,000,000	3,686,000	Lần
1676	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục [Gây tê]	7,000,000	3,362,000	Lần
1677	Khoét chóp cổ tử cung [Gây tê]	5,000,000	2,132,000	Lần
1678	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ [Gây tê]	4,000,000	2,245,000	Lần
1679	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ [Gây tê]	4,000,000	2,245,000	Lần
1680	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên /2 bên [Gây tê]	4,546,000	2,655,000	Lần
1681	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay [Gây tê]	3,962,000	2,278,000	Lần
1682	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp [Gây tê]	6,000,000	2,366,000	Lần
1683	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa [Gây tê]	3,962,000	2,278,000	Lần
1684	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn [Gây tê]	3,245,000	1,928,000	Lần
1685	Phẫu thuật treo tử cung [Gây tê]	6,000,000	2,883,000	Lần
1686	Mổ lấy sỏi bàng quang [Gây tê]	5,630,000	3,248,000	Lần
1687	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay [Gây tê]	5,000,000	2,389,000	Lần
1688	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ [Gây tê]	5,000,000	2,245,000	Lần
1689	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi [Gây tê]	4,000,000	1,589,000	Lần
1690	THÁO MẮC CÀI CHỈNH NHA HOÀN TẤT (THEO YÊU CẦU)	1,200,000		Lần
1691	Điều trị tủy lại	1,700,000	966,000	Lần
1692	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	1,200,000	362,000	Lần
1693	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	600,000	362,000	Lần
1694	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	600,000	362,000	Lần
1695	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	300,000	166,000	Lần
1696	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	1,200,000	313,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1697	Phẫu thuật cắt phanh môi	1,200,000	313,000	Lần
1698	Phẫu thuật cắt phanh má	1,200,000	313,000	Lần
1699	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	1,200,000	868,000	Lần
1700	Phẫu thuật nạo túi lợi	200,000	79,700	Lần
1701	Nắn sai khớp thái dương hàm	300,000	105,000	Lần
1702	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GIC (GlassIonomer Cement)	250,000	259,000	Lần
1703	Trám bít hố rãnh bằng GIC (GlassIonomer Cement)	250,000	224,000	Lần
1704	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement	200,000	102,000	Lần
1705	Nhổ chân răng sữa (bôi tê)	60,000	40,700	Lần
1706	Nhổ chân răng sữa (gây tê)	120,000	40,700	Lần
1707	Lấy cao răng	250,000	143,000	Lần
1708	Lọc máu bằng kỹ thuật thẩm tách siêu lọc dịch bù trực tiếp từ dịch lọc (HDF-Online)	2,100,000	1,528,000	Lần
1709	Đo mật độ xương bằng kỹ thuật DEXA	200,000		Lần
1710	Khâu rách may tầng sinh môn	1,000,000		Lần
1711	Điều trị tiêu sợi huyết / Bệnh nhân nhồi máu cơ tim cấp	3,000,000		Lần
1712	Đặt vòng Mirena	3,500,000		Lần
1713	Hút echo hỗn hợp lòng tử cung	2,000,000		Lần
1714	Đặt Vòng Tránh Thai	600,000		Lần
1715	Phẫu thuật đóng hậu môn nhân tạo	6,000,000		Lần
1716	Hút vết thương bằng máy áp lực âm VAC	3,000,000		Lần
1717	Nắn trật khớp gối	3,000,000		Lần
1718	Nắn trật khớp háng	3,000,000		Lần
1719	VT Phần Mềm Đứt Cơ, Bao Cơ Trên 20cm	7,000,000	4,830,000	Lần
1720	VT Phức Tạp (Đứt Gân, TK, mmáu)	10,000,000	4,830,000	Lần
1721	Mỏm Cụt 2 Ngón	4,000,000	3,011,000	Lần
1722	Mỏm Cụt 3 Ngón	5,000,000	3,011,000	Lần
1723	VT Đứt 2 Gân	4,000,000	3,087,000	Lần
1724	VT Đứt 3 gân	5,000,000	3,087,000	Lần
1725	Ghép da	5,000,000		Lần
1726	Nội soi khớp vai	11,000,000		Lần
1727	Xoay vạt da	8,000,000		Lần
1728	Gãy 2 mắc cá	8,000,000		Lần
1729	Mổ Nắn Khớp	8,000,000		Lần
1730	Thay khớp gối	11,000,000		Lần
1731	PT KHX xương gót chân	7,000,000		Lần
1732	Sanh thường thai khó	4,000,000	736,000	Lần
1733	Rạch áp xe vú	2,000,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1734	Test giá Phẫu thuật	6,000,000		Lần
1735	Phẫu thuật ghép sọ	15,000,000		Lần
1736	Phẫu thuật lấy máu tụ ở thận (vỡ thận)	12,000,000		Lần
1737	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn, đùi (có lưới)	7,000,000	3,351,000	Lần
1738	Tán sỏi ngược dòng laser bằng ống soi mềm	34,000,000	5,087,000	Lần
1739	Tán sỏi ngược dòng laser bằng ống soi cứng	11,000,000	5,087,000	Lần
1740	Phẫu thuật bóc u lạc nội mạc ở thành bụng	2,000,000		Lần
1741	Tháo chỉ kẽm cố định răng	300,000		Lần
1742	Phá thai to	5,000,000		Lần
1743	Bóc bướu âm hộ	3,000,000		Lần
1744	Điều trị nội khoa thai ngoài tử cung	3,000,000		Lần
1745	Làm thuốc âm đạo	60,000		Lần
1746	Hút thai dưới 12 tuần	1,800,000		Lần
1747	Triệt sản nữ	3,000,000		Lần
1748	Ghép xương nhân tạo Osteon II/ răng	6,000,000		Lần
1749	Ghép xương tự thân/ răng	12,000,000		Lần
1750	Ghép màng Collagen/ răng	6,000,000		Lần
1751	PT nâng xoang kín/ răng trong cấy Implant	3,000,000		Lần
1752	PT nâng xoang hở/ răng trong cấy Implant	6,000,000		Lần
1753	PH toàn hàm nhựa trên Implant	8,400,000		Lần
1754	PH toàn hàm sứ trên Implant	12,000,000		Lần
1755	Chỉnh nha cố định mắc cài kim loại	48,000,000		Lần
1756	Chỉnh nha cố định mắc cài sứ	60,000,000		Lần
1757	Chỉnh nha trước phục hình	14,400,000		Lần
1758	Thay mắc cài mới khi bệnh nhân làm mất mắc cài	600,000		Lần
1759	Gắn mắc cài sút cho bệnh nhân chỉnh nha tại nơi khác	600,000		Lần
1760	Cắt dây, thay dây cho bệnh nhân chỉnh nha tại nơi khác	600,000		Lần
1761	Nắn/ buộc cố định răng trật khớp	240,000		Lần
1762	Phẫu thuật cắt u nhú/nang nhỏ vùng răng miệng	600,000		Lần
1763	Hỗ trợ sinh sản IUI	8,000,000		Lần
1764	Siêu Âm Đầu Dò Âm Đạo	250,000		Lần
1765	Siêu Âm Khác	180,000		Lần
1766	Siêu âm ổ bụng (KSK)	100,000		Lần
1767	Siêu âm ổ bụng (KSK)	180,000		Lần
1768	Siêu âm ổ bụng (KSK)*	136,100		Lần
1769	Siêu âm các tuyến nước bọt	120,000	49,300	Lần
1770	Siêu âm Doppler mạch máu	266,000	233,000	Lần
1771	Siêu âm Doppler mạch máu cấp cứu	266,000	233,000	Lần
1772	Siêu âm Doppler tim	266,000	233,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1773	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)	120,000	63,200	Lần
1774	Siêu âm ổ bụng	100,000	49,300	Lần
1775	Siêu âm ổ bung (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	100,000	49,300	Lần
1776	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	144,000	49,300	Lần
1777	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	150,000	49,300	Lần
1778	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	150,000	49,300	Lần
1779	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	150,000	49,300	Lần
1780	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	150,000	49,300	Lần
1781	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	288,000	233,000	Lần
1782	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	250,000	186,000	Lần
1783	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	150,000	49,300	Lần
1784	Siêu âm tử cung phần phụ	100,000	49,300	Lần
1785	Siêu âm tuyến giáp	120,000	49,300	Lần
1786	Siêu âm tổng quát (Cấp cứu)	100,000	49,300	Lần
1787	Siêu âm động mạch cảnh 2 bên	120,000		Lần
1788	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	120,000	49,300	Lần
1789	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ….)	100,000	49,300	Lần
1790	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay….)	120,000	49,300	Lần
1791	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	100,000	49,300	Lần
1792	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	100,000	49,300	Lần
1793	Siêu âm hạch vùng cổ	100,000	49,300	Lần
1794	Siêu âm tinh hoàn hai bên	120,000	49,300	Lần
1795	Siêu âm tuyến vú hai bên	120,000	49,300	Lần
1796	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	150,000	84,800	Lần
1797	Siêu âm Doppler tuyến vú	150,000	84,800	Lần
1798	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	150,000	84,800	Lần
1799	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng…)	266,000	233,000	Lần
1800	Siêu âm Doppler động mạch thận	266,000	233,000	Lần
1801	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	266,000	233,000	Lần
1802	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	266,000	233,000	Lần
1803	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	250,000	233,000	Lần
1804	Siêu âm có đo độ mờ da gáy	200,000		Lần
1805	Siêu âm thai màu	150,000		Lần
1806	Siêu âm 4D hình thái học	400,000		Lần
1807	Siêu âm 3D màu	200,000		Lần
1808	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường trực tràng	250,000		Lần
1809	Siêu âm tim sơ sinh (Ngày ra viện)	150,000		Lần
1810	Đo loãng xương	180,000		Lần
1811	Đo thính lực đơn âm	180,000	45,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1812	Đo xơ vữa động mạch không xâm lấn	204,000		Lần
1813	Điện tim thường	55,000	35,400	Lần
1814	Đo chức năng hô hấp	156,000	133,000	Lần
1815	Ghi điện não đồ thông thường	240,000	68,300	Lần
1816	Ghi điện não thường quy	240,000	68,300	Lần
1817	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	354,000	35,400	Lần
1818	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	354,000	35,400	Lần
1819	Đặt sonde dạ dày	120,000		Lần
1820	Rửa vết thương	60,000		Lần
1821	Thụt tháo phân	300,000		Lần
1822	Chọc hút dịch tụ	124,000		Lần
1823	Chọc hút dịch khớp	480,000		Lần
1824	Rửa dạ dày	500,000		Lần
1825	Cắt sùi mào gà	288,000		Lần
1826	Móng quặp	120,000		Lần
1827	Đặt sonde JJ niệu quản	2,268,000		Lần
1828	Đặt catheter đo áp lực tĩnh mạch trung tâm (CVP)	134,000		Lần
1829	Vật Lý Trị Liệu	350,000		Lần
1830	VLTL đường hô hấp trên (Nhi khoa)	200,000		Lần
1831	Double test	550,000		Lần
1832	Test 4 chất gây nghiện	100,000		Lần
1833	Cấy phân (KSK ATVSTP)	200,000		Lần
1834	Gói SLSS 8 bệnh	800,000		Lần
1835	Gói SLSS 8 bệnh + Bệnh Hemoglobin	1,100,000		Lần
1836	Gói SLSS 73 bệnh	3,000,000		Lần
1837	Gói SLSS 5 bệnh	350,000		Lần
1838	HCV - RNA	800,000		Lần
1839	Albumin (niệu)/ Creatinin (niệu) ratio	20,000		Lần
1840	FOB	100,000		Lần
1841	Rubella IgM (Định lượng)	180,000		Lần
1842	Rubella IgG (Định lượng)	180,000		Lần
1843	ADA	120,000		Lần
1844	HPV-DNA Genotype	600,000		Lần
1845	Cặn lắng nước tiểu	84,000		Lần
1846	Test lao	100,000		Lần
1847	Widal	120,000		Lần
1848	Syphilis	100,000		Lần
1849	Pap smear	300,000		Lần
1850	Tinh dịch đồ	300,000		Lần
1851	Cortisol [Máu]	140,000	92,900	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1852	Xét nghiệm và chẩn đoán tế bào học qua chọc hút tế bào bằng kim nhỏ (FNA)	300,000		Lần
1853	Phết máu ngoại vi	84,000		Lần
1854	Thời gian máu đông (TC)	24,000		Lần
1855	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	48,000		Lần
1856	Định lượng Albumin [Máu]	40,000	21,800	Lần
1857	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	60,000	29,500	Lần
1858	Dengue virus NS1Ag test nhanh (Sốt xuất huyết NS1)	150,000		Lần
1859	Dengue virus IgM - IgG test nhanh (Sốt xuất huyết IgM/IgG)	140,000		Lần
1860	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]	180,000	82,000	Lần
1861	Định lượng Prolactin [Máu]	180,000	76,500	Lần
1862	Định lượng Estradiol [Máu]	200,000		Lần
1863	Triple test (3 tháng giữa thai kỳ)	500,000		Lần
1864	Soi tươi phân tìm KST đường ruột	84,000		Lần
1865	Taenia sp./Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab	150,000		Lần
1866	Filariasis (Giun chỉ)	150,000		Lần
1867	Ascaris lumbricoides (Giun đũa)	150,000		Lần
1868	Định lượng Amylase (niệu)	52,000		Lần
1869	Chlamydia IgM	180,000		Lần
1870	Chlamydia IgG	180,000		Lần
1871	Định lượng Cortisol (niệu)	140,000	92,900	Lần
1872	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động	150,000		Lần
1873	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động	150,000		Lần
1874	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động	150,000		Lần
1875	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động	150,000		Lần
1876	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động	150,000		Lần
1877	Entamoeba histolytica (Amip) Ab miễn dịch bán tự động	150,000		Lần
1878	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch bán tự động	150,000		Lần
1879	Paragonimus (Sán lá phổi) IgM	150,000		Lần
1880	Trichinella spiralis (Giun xoắn) Ab miễn dịch bán tự động	150,000		Lần
1881	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [Máu]	590,000	590,000	Lần
1882	Định lượng Acid Uric [Máu]	40,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1883	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	180,000	92,900	Lần
1884	Định lượng Amoniac (NH3) [Máu]	86,000	76,500	Lần
1885	Định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies) [Máu]	170,000		Lần
1886	Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin) [Máu]	150,000		Lần
1887	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]	200,000	87,500	Lần
1888	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	20,000		Lần
1889	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	40,000	21,800	Lần
1890	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	40,000	21,800	Lần
1891	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3) [Máu]	200,000		Lần
1892	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]	200,000		Lần
1893	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4) [Máu]	200,000		Lần
1894	Định lượng CA^{125} (cancer antigen 125) [Máu]	200,000		Lần
1895	Định lượng Calci toàn phần [Máu]	20,000		Lần
1896	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	180,000		Lần
1897	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	45,000	27,300	Lần
1898	Định lượng Creatinin (máu)	40,000	21,800	Lần
1899	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity) [Máu]	70,000		Lần
1900	Định lượng Cyfra 21- 1 [Máu]	200,000		Lần
1901	Định lượng D-Dimer [Máu]	300,000		Lần
1902	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]	100,000		Lần
1903	Định lượng Ferritin	180,000		Lần
1904	Định lượng Ferritin [Máu]	180,000	82,000	Lần
1905	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	125,000		Lần
1906	Định lượng free bHCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin) [Máu]	200,000	185,000	Lần
1907	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]	100,000	65,600	Lần
1908	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	100,000	65,600	Lần
1909	Định lượng Glucose [Máu]	40,000	21,800	Lần
1910	Định lượng HbA1c [Máu]	140,000		Lần
1911	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	45,000	27,300	Lần
1912	Định lượng HE4 [Máu]	320,000		Lần
1913	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]	120,000	98,400	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1914	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	45,000		Lần
1915	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]	180,000	82,000	Lần
1916	Định lượng Pro-GRP (Pro- Gastrin-Releasing Peptide) [Máu]	354,000	354,000	Lần
1917	Định lượng Protein (niệu)	40,000	14,000	Lần
1918	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	40,000	21,800	Lần
1919	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]	180,000		Lần
1920	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu]	180,000		Lần
1921	Định lượng RF (Reumatoid Factor) [Máu]	70,000	38,200	Lần
1922	Định lượng Sắt [Máu]	45,000	32,800	Lần
1923	Định lượng sắt huyết thanh	45,000	32,800	Lần
1924	Định lượng Testosterol [Máu]	180,000	95,100	Lần
1925	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	45,000	27,300	Lần
1926	Định lượng Troponin I [Máu]	140,000	76,500	Lần
1927	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	100,000	60,100	Lần
1928	Định lượng Urê máu [Máu]	40,000	21,800	Lần
1929	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)	60,000	40,200	Lần
1930	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	60,000		Lần
1931	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	60,000		Lần
1932	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)	60,000	32,000	Lần
1933	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	40,000	23,700	Lần
1934	Định tính Amphetamin (test nhanh) [niệu]	40,000		Lần
1935	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	40,000		Lần
1936	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	70,000		Lần
1937	Đo hoạt độ ALP (Alkalin Phosphatase) [Máu]	40,000	21,800	Lần
1938	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	40,000	21,800	Lần
1939	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	40,000	21,800	Lần
1940	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	40,000	21,800	Lần
1941	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE) [Máu]	40,000		Lần
1942	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]	40,000	27,300	Lần
1943	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]	50,000		Lần
1944	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	40,000	19,500	Lần
1945	Đo hoạt độ LDH (dịch chọc dò)	40,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1946	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [Máu]	40,000		Lần
1947	EV71 IgM/IgG test nhanh	120,000		Lần
1948	HAV Ab test nhanh (IgM)	75,000		Lần
1949	HBcAb test nhanh	100,000		Lần
1950	HBeAb test nhanh	80,000		Lần
1951	HBeAg test nhanh	80,000		Lần
1952	HBsAb định lượng	150,000		Lần
1953	HBsAb test nhanh	80,000		Lần
1954	HBsAg định lượng	350,000		Lần
1955	HBsAg miễn dịch tự động (HBsAg định tính)	105,000		Lần
1956	HBsAg test nhanh	70,000		Lần
1957	HBV đo tải lượng Real-time PCR	678,000	678,000	Lần
1958	HCV Ab miễn dịch tự động	170,000	123,000	Lần
1959	HCV Ab test nhanh	90,000		Lần
1960	HEV IgM test nhanh	75,000		Lần
1961	HIV Ab test nhanh	70,000		Lần
1962	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	70,000	39,500	Lần
1963	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	71,200	71,200	Lần
1964	Influenza virus A, B test nhanh	200,000		Lần
1965	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin	150,000		Lần
1966	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22ºC (Kỹ thuật ống nghiệm)	40,000	29,600	Lần
1967	Phản ứng Rivalta [dịch]	20,000	8,600	Lần
1968	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	230,000		Lần
1969	Streptococcus pyogenes ASO	65,000		Lần
1970	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	20,000	13,000	Lần
1971	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	50,000	49,800	Lần
1972	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	80,000	65,300	Lần
1973	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	75,000	41,500	Lần
1974	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	70,000	37,900	Lần
1975	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	50,000	27,800	Lần
1976	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	70,000	47,500	Lần
1977	Treponema pallidum test nhanh	100,000		Lần
1978	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	200,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
1979	Vi khuẩn nhuộm soi	70,300	70,300	Lần
1980	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	250,000		Lần
1981	Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	250,000	246,000	Lần
1982	Vi nấm soi tươi	70,000	43,100	Lần
1983	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	200,000	170,000	Lần
1984	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	30,000	13,000	Lần
1985	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	30,000	15,500	Lần
1986	Xét nghiệm Khí máu [Máu]	250,000	218,000	Lần
1987	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	70,000		Lần
1988	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản…) bằng phương pháp thủ công	70,000	56,800	Lần
1989	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)	70,000	43,700	Lần
1990	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	70,300	70,300	Lần
1991	Phản ứng CRP	70,000		Lần
1992	CRP định lượng	70,000		Lần
1993	Định lượng Creatinin (niệu)	40,000	16,400	Lần
1994	Định lượng Glucose (dịch chọc dò)	40,000	13,000	Lần
1995	Định lượng Protein (dịch chọc dò)	40,000	21,800	Lần
1996	Lipid	20,000		Lần
1997	Soi tươi huyết trắng	70,000		Lần
1998	Nhuộm soi huyết trắng	100,000		Lần
1999	Nhuộm soi dịch niệu đạo	100,000		Lần
2000	HIV Ag/Ab combo	150,000		Lần
2001	ThinPrep Pap	550,000		Lần
2002	ROMA TEST (CA125 +HE4)	400,000		Lần
2003	Angiostrogylus cantonensis (Giun tròn chuột) IgG	150,000		Lần
2004	Định tính Methamphetamin (test nhanh) [niệu]	40,000		Lần
2005	Mycobacterium tuberculosis Real-time PCR (PCR lao)	400,000		Lần
2006	Heroin/Morphin nước tiểu	70,000		Lần
2007	HP hơi thở (C13)	600,000		Lần
2008	Calcitonin	180,000		Lần
2009	Xét nghiệm Cấy Phân	250,000		Lần
2010	Độ lọc cầu thận eGFR	20,000		Lần
2011	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật Gelcard)	100,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
2012	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật Gelcard)	100,000		Lần
2013	Nhuộm hóa mô miễn dịch cho mỗi một dấu ấn	1,000,000		Lần
2014	Procalcitonin (PCT)	300,000		Lần
2015	Lipase (máu)	70,000	60,100	Lần
2016	Định lượng Mg (Magie)	50,000	32,800	Lần
2017	Định lượng Phospho (máu)	40,000	21,800	Lần
2018	Anti-Mumps IgM (Quai bị)	250,000		Lần
2019	Anti-Mumps IgG (Quai bị)	250,000		Lần
2020	Anti-Measles IgM (Sởi)	250,000		Lần
2021	Anti-Measles IgG (Sởi)	250,000		Lần
2022	GH (Growth hormone)	200,000		Lần
2023	Influenza virus (Cúm A,B)	200,000		Lần
2024	Treponema pallidum (ĐL Giang mai)	100,000		Lần
2025	Chlamydia (test nhanh)	70,000		Lần
2026	MicroAlbumin (niệu)	90,000		Lần
2027	ADN huyết thống cha/mẹ - con tự nguyện (6 ngày)	4,000,000		Lần
2028	ADN huyết thống cha/mẹ - con tự nguyện_ thu thêm mẫu 3	2,000,000		Lần
2029	ADN cha/mẹ - con tự nguyện _mẫu thứ 3	2,000,000		Lần
2030	ADN huyết thống cha/mẹ - con pháp lý (7 ngày)	5,000,000		Lần
2031	ADN cha/mẹ - con pháp lý_mẫu thứ 3	2,500,000		Lần
2032	Aldosteron	350,000		Lần
2033	Thrombin Time	80,000	41,500	Lần
2034	HBeAg (Định lượng)	180,000		Lần
2035	HBeAb (Định lượng)	180,000		Lần
2036	Globulin	50,000		Lần
2037	Progesterone	180,000	82,000	Lần
2038	HPV mRNA (Aptima HPV)	800,000		Lần
2039	Heroin/Morphin (Máu)	300,000		Lần
2040	H.Pylori hơi thở (C13)	600,000		Lần
2041	AMH	600,000		Lần
2042	Định lượng Pre-albumin [Máu]	100,000		Lần
2043	NIPT 9.5	3,700,000		Lần
2044	VLDL-Cholesterol	45,000		Lần
2045	H.pylori (CIM) test nhanh	170,000		Lần
2046	Bộ test nhanh Sốt xuất huyết (NS1 + IgM/IgG)	290,000		Lần
2047	Định lượng Vitamin D (25- OH Vitamin D)	300,000		Lần
2048	Xét nghiệm PCR SARS-CoV-2	850,000		Lần
2049	Điện Di Hemoglobin	400,000		Lần
2050	Trisure3	2,700,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
2051	Trisure	5,000,000		Lần
2052	Anti-CCP	200,000		Lần
2053	Transferrin	90,000		Lần
2054	ADN huyết thống cha/mẹ - con pháp lý hành chính khác (7 ngày)	7,000,000		Lần
2055	Covid-19 Ag (test nhanh)	100,000		Lần
2056	Định lượng SARS-COV-2 IgG để NC	240,000		Lần
2057	PCR SARS-CoV-2 GỘP 2	350,000		Lần
2058	PCR SAS-COV-2 GỘP 2 (TRONG GIA ĐÌNH)	350,000		Lần
2059	Interleukin 6 (IL-6)	250,000		Lần
2060	PCR SARS-CoV-2	500,000		Lần
2061	Non-HDL	45,000		Lần
2062	HBV-DNA	500,000		Lần
2063	Covid 19 Test Nhanh- (Song Ngữ)	235,000		Lần
2064	Adenovirus Realtime PCR	700,000		Lần
2065	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim	300,000	170,000	Lần
2066	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm…các bệnh phẩm sinh thiết	600,000	350,000	Lần
2067	Cell bloc (khối tế bào)	300,000	248,000	Lần
2068	TriSure Procare	9,000,000		Lần
2069	Định tính MDMA (test nhanh) [niệu]	40,000		Lần
2070	triSure Carrier (Xét nghiệm tầm soát bệnh di truyền lặn)	2,500,000		Lần
2071	Định lượng gluocse [máu] lúc đói	50,000		Lần
2072	Định lượng gluocse [máu] sau ăn 2 giờ	50,000		Lần
2073	G6PD	200,000		Lần
2074	ANA	200,000		Lần
2075	Free Testosterone	300,000		Lần
2076	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp(Phương pháp ống nghiệm)	80,000		Lần
2077	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp(Phương pháp ống nghiệm)	80,000		Lần
2078	ADN MẪU TÓC , MÓNG	500,000		Lần
2079	NSE	150,000		Lần
2080	IgE total	150,000		Lần
2081	Xét nghiệm dị ứng (53 dị nguyên)	2,200,000		Lần
2082	XÉT NGHIỆM TẦM SOÁT TIỀN SẢN GIẬT QUÝ I	1,300,000		Lần
2083	XÉT NGHIỆM TẦM SOÁT TIỀN SẢN GIẬT QUÝ II	1,750,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
2084	XÉT NGHIỆM TẦM SOÁT TIỀN SẢN GIẬT QUÝ III	1,750,000		Lần
2085	Cúm A+ Cúm B+ Sars-CoV-2 PCR	500,000		Lần
2086	Streptococcus A (Liên cầu khuẩn nhóm A)	100,000		Lần
2087	RSV (test nhanh)	150,000		Lần
2088	RSV-PCR	300,000		Lần
2089	Điện giải đồ (Na, K, Cl) Dịch chọc dò	60,000		Lần
2090	NIPT-PRECARE 26+ BLM10	5,000,000		Lần
2091	Apo A1	80,000		Lần
2092	Apo B	80,000		Lần
2093	QF-PCR (DOWN)	2,500,000		Lần
2094	Kẽm (Zn)	150,000		Lần
2095	Định lượng vitamin B12	200,000	76,500	Lần
2096	Định lượng Acid Folic (Folate)	200,000	87,500	Lần
2097	CMV IgG	150,000		Lần
2098	CMV IgM	150,000		Lần
2099	Dị ứng Rida Allergy Screen (Panel 1 VIỆT) (Elisa)	1,000,000		Lần
2100	Dị ứng Rida Allergy Screen (Panel 4) (Elisa)	1,000,000		Lần
2101	Điện di Protein /máu	350,000		Lần
2102	GBS PCR (Liên cầu khuẩn nhóm B)	290,000		Lần
2103	ACTH	180,000		Lần
2104	KAROTYPE (MÁU)	1,500,000		Lần
2105	TrisureFist	1,500,000		Lần
2106	Áp lực thẩm thấu (máu)	100,000		Lần
2107	Áp lực thẩm thấu (niệu)	100,000		Lần
2108	TPHA Định tính	150,000		Lần
2109	Anti Phospholipid IgM	200,000		Lần
2110	Anti Phospholipid IgG	200,000		Lần
2111	Mycoplasma pneumoniae PCR (Pneumonia 3)	400,000		Lần
2112	C3	100,000		Lần
2113	C4	100,000		Lần
2114	Anti ds DNA	250,000		Lần
2115	HỒNG CẦU LƯỚI	120,000		Lần
2116	TSH Receptor Ab (TRAb)	450,000		Lần
2117	ADN CẤP THÊM KẾT QUẢ	300,000		Lần
2118	Chụp XQuang sọ thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2119	Chụp XQuang mặt thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2120	Chụp XQuang mặt thẳng tầng thấp	90,000	68,300	Lần
2121	Chụp XQuang mặt thẳng tầng cao	90,000	68,300	Lần
2122	Chụp XQuang sọ tiếp tuyến	90,000	68,300	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
2123	Chụp XQuang hốc mắt thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2124	Chụp XQuang Hirtz	90,000	68,300	Lần
2125	Chụp XQuang hàm chếch nghiêng xương hàm dưới [P]	90,000	68,300	Lần
2126	Chụp XQuang hàm chếch nghiêng xương hàm dưới [T]	90,000	68,300	Lần
2127	Chụp XQuang mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	90,000	68,300	Lần
2128	Chụp XQuang hố yên thẳng + nghiêng	130,000	68,300	Lần
2129	Chụp XQuang Chausse III	100,000	68,300	Lần
2130	Chụp XQuang Schuller [P]+[T]	130,000	68,300	Lần
2131	Chụp XQuang sọ Stenvers	100,000	68,300	Lần
2132	Chụp XQuang Parma [P] hả + ngậm □	130,000	68,300	Lần
2133	Chụp XQuang Parma [T] hả + ngậm	130,000	68,300	Lần
2134	Chụp XQuang quanh chóp răng	90,000		Lần
2135	Chụp XQuang răng cánh cắn (Bite wing)	90,000	68,300	Lần
2136	Chụp XQuang phim cắn (Occlusal)	90,000	68,300	Lần
2137	Chụp XQuang mỏm trâm [P] + [T]	150,000	68,300	Lần
2138	Chụp XQuang cột sống cổ thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2139	Chụp Xquang cột sống cổ chếch hai bên	130,000	100,000	Lần
2140	Chụp XQuang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	240,000	125,000	Lần
2141	Chụp XQuang cột sống cổ C1-C2	130,000	100,000	Lần
2142	Chụp XQuang cột sống ngực thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2143	Chụp XQuang cột sống ngực chếch [P] .	120,000	100,000	Lần
2144	Chụp XQuang cột sống ngực chếch [T] .	120,000	100,000	Lần
2145	Chụp XQuang cột sống thắt lưng thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2146	Chụp XQuang cột sống thắt lưng chếch [T]	120,000	100,000	Lần
2147	Chụp XQuang cột sống thắt lưng chếch [P]	120,000	100,000	Lần
2148	Chụp XQuang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2149	Chụp XQuang cột sống thắt lưng gập tối đa	100,000	100,000	Lần
2150	Chụp XQuang cột sống thắt lưng ưỡn tối đa	100,000	100,000	Lần
2151	Chụp XQuang cột sống thắt lưng De Sèze	100,000	68,300	Lần
2152	Chụp XQuang cột sống cùng cụt thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2153	Chụp XQuang khớp cùng chậu thẳng	140,000	125,000	Lần
2154	Chụp XQuang khớp cùng chậu chếch [P]	140,000	125,000	Lần
2155	Chụp XQuang khớp cùng chậu chếch [T]	140,000	125,000	Lần
2156	Chụp XQuang khung chậu thẳng	90,000	68,300	Lần
2157	Chụp XQuang xương đòn [P] thẳng	90,000	68,300	Lần
2158	Chụp XQuang xương đòn [P] chếch	90,000	68,300	Lần
2159	Chụp XQuang xương đòn [T] thẳng	90,000	68,300	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
2160	Chụp XQuang xương đòn [T] chếch	90,000	68,300	Lần
2161	Chụp Xquang khớp vai thẳng [P]	90,000	68,300	Lần
2162	Chụp Xquang khớp vai thẳng [T]	90,000	68,300	Lần
2163	Chụp XQuang khớp vai [P] chếch	90,000	68,300	Lần
2164	Chụp XQuang khớp vai [T] chếch	90,000	68,300	Lần
2165	Chụp XQuang xương bả vai [P] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2166	Chụp XQuang xương bả vai [T] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2167	Chụp XQuang xương cánh tay [P] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2168	Chụp XQuang xương cánh tay [T] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2169	Chụp XQuang khớp khuỷu [P] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2170	Chụp XQuang khớp khuỷu [T] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2171	Chụp XQuang khớp khuỷu [P] chếch	100,000	100,000	Lần
2172	Chụp XQuang khớp khuỷu [T] chếch	100,000	100,000	Lần
2173	Chụp XQuang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	150,000	68,300	Lần
2174	Chụp XQuang xương cẳng tay [P] thẳng + nghiêng □	130,000	100,000	Lần
2175	Chụp XQuang xương cẳng tay [T] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2176	Chụp XQuang xương cổ tay [P] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2177	Chụp XQuang xương cổ tay [T] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2178	Chụp XQuang xương cổ tay [P] chếch	100,000	100,000	Lần
2179	Chụp XQuang xương cổ tay [T] chếch	100,000	100,000	Lần
2180	Chụp XQuang xương bàn tay [P] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2181	Chụp XQuang xương bàn tay [T] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2182	Chụp XQuang xương bàn tay [P] chếch	100,000	100,000	Lần
2183	Chụp XQuang xương bàn tay [T] chếch	100,000	100,000	Lần
2184	Chụp XQuang khớp háng [P] thẳng + nghiêng	130,000	68,300	Lần
2185	Chụp XQuang khớp háng [T] thẳng + nghiêng	130,000	68,300	Lần
2186	Chụp XQuang xương đùi [P] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2187	Chụp XQuang xương đùi [T] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2188	Chụp XQuang khớp gối [P] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2189	Chụp XQuang khớp gối [T] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2190	Chụp XQuang khớp gối [P] chếch	100,000	100,000	Lần
2191	Chụp XQuang khớp gối [T] chếch	100,000	100,000	Lần
2192	Chụp XQuang xương bánh chè	130,000	100,000	Lần
2193	Chụp XQuangkhớp đùi bánh chè	130,000	100,000	Lần
2194	Chụp XQuang xương cẳng chân [P] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2195	Chụp XQuang xương cẳng chân [T] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2196	Chụp XQuang xương cổ chân [P] thẳng+ nghiêng	130,000	100,000	Lần
2197	Chụp XQuang xương cổ chân [T] thẳng+ nghiêng	130,000	100,000	Lần
2198	Chụp XQuang xương cổ chân [P] chếch	100,000	100,000	Lần
2199	Chụp XQuang xương cổ chân [T] chếch	100,000	100,000	Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
2200	Chụp XQuang xương bàn chân [P] thẳng+ nghiêng	130,000	100,000	Lần
2201	Chụp XQuang xương bàn chân [T] thẳng+ nghiêng	130,000	100,000	Lần
2202	Chụp XQuang xương bàn chân [P] chếch	100,000	100,000	Lần
2203	Chụp XQuang xương bàn chân [T] chếch	100,000	100,000	Lần
2204	Chụp XQuang xương gót [P] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2205	Chụp XQuang xương gót [T] thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2206	Chụp XQuang ngực thẳng	90,000	68,300	Lần
2207	Chụp XQuang ngực nghiêng [P] 90 độ	90,000	68,300	Lần
2208	Chụp XQuang ngực nghiêng [T] 90 độ	90,000	68,300	Lần
2209	Chụp XQuang ngực chếch [P]	90,000	68,300	Lần
2210	Chụp XQuang ngực chếch [T]	90,000	68,300	Lần
2211	Chụp XQuang xương ức thẳng	100,000	100,000	Lần
2212	Chụp XQuang xương ức nghiêng	100,000	100,000	Lần
2213	Chụp XQuang khớp ức đòn thẳng + nghiêng	130,000	100,000	Lần
2214	Chụp XQuang khớp ức đòn chếch [P]	100,000	100,000	Lần
2215	Chụp XQuang khớp ức đòn chếch [T]	100,000	100,000	Lần
2216	Chụp XQuang đỉnh phổi ưỡn	90,000	68,300	Lần
2217	Chụp XQuang thực quản cổ thẳng	240,000	239,000	Lần
2218	Chụp XQuang thực quản cổ nghiêng	240,000	239,000	Lần
2219	Chụp XQuang bụng đứng không sửa soạn	80,000	68,300	Lần
2220	Chụp XQuang bụng nằm nghiêng [T]	100,000	68,300	Lần
2221	Chụp XQuang bụng tìm sỏi	100,000	68,300	Lần
2222	Chụp XQuang đường mật qua Kehr	360,000	255,000	Lần
2223	Chụp Xquang khớp háng [T] thẳng hai bên	130,000	68,300	Lần
2224	Chụp Xquang khớp háng [P] thẳng hai bên	130,000	68,300	Lần
2225	Chụp Xquang Blondeau - Hirtz	130,000	100,000	Lần
2226	Chụp XQuang Toàn hàm (Panorex)	160,000	67,200	Lần
2227	Chụp XQuang Blondeau	90,000	68,300	Lần
2228	Chụp Xquang đại tràng có cản quang	700,000		Lần
2229	Chụp tử cung - vòi trứng	720,000		Lần
2230	Chụp XQuang thẳng tổng quát	300,000		Lần
2231	MẶT THẲNG	90,000		Lần
2232	Mặt Nghiêng	90,000		Lần
2233	SỌ THẲNG	90,000		Lần
2234	Sọ Nghiêng	90,000		Lần
2235	Chụp tử cung-vòi trứng bằng số hóa	600,000		Lần
2236	UIV	700,000		Lần
2237	UPR	700,000		Lần
2238	THỰC QUẢN	350,000		Lần
2239	Dạ Dày	360,000		Lần

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá Bệnh viện	Đơn giá BH	ĐVT
2240	Đại Tràng	460,000		Lần
2241	Đường Mật	360,000		Lần
2242	BÀNG QUANG	400,000		Lần
2243	Đường Dò (Hậu Môn Và Các Cơ Quan Khác)	500,000		Lần
2244	Chụp Xquang Tại Giường	150,000		Lần
2245	Chụp XQuang ngực thẳng (KSK)	100,000		Lần
2246	Chụp XQuang ngực thẳng (TTC)	84,000		Lần